

BÁO CÁO

Giải trình, làm rõ một số nội dung UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Báo cáo số 705/TTr-UBND ngày 25/11/2022 về tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh tại Phiên họp thứ 23 ngày 07/12/2022 và Kết luận của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại buổi họp ngày 30/11/2022 thẩm tra Báo cáo số 705/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, UBND tỉnh giải trình, làm rõ một số nội dung với HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đối với ý kiến: Theo báo cáo số 705/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh thì kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 đến ngày 15/11/2022 chỉ đạt 52,6%, đề nghị làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị có liên quan. Đồng thời làm rõ cơ sở dự kiến kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 đạt 96,44%

1.1. Về nguyên nhân không giải ngân hết kế hoạch vốn

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã xác định nhiệm vụ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đi đôi với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị quan trọng, cấp thiết để đảm bảo thực hiện thành công “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần kích thích tổng cầu, tạo việc làm, thu nhập, nâng cao đời sống cho người lao động. Do đó, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo và đề ra nhiều giải pháp để phấn đấu hoàn thành mục tiêu giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 đạt từ 95% trở lên. Tuy nhiên, vì một số nguyên nhân khách quan, chủ quan nên kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022 còn thấp, một số nguyên nhân cụ thể như sau:

- Năm 2022 là năm thứ hai triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong năm 2022 có đến 83 dự án khởi công mới. Theo quy định của Luật Xây dựng, các dự án khởi công mới được bố trí vốn đầu năm phải mất thời gian triển khai các thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán công trình mới đủ điều kiện tổ chức đấu thầu thi công. Thời gian này thường mất nhiều thời gian, do đó tiến độ giải ngân vốn của những dự án khởi công mới chỉ được đẩy mạnh vào những tháng cuối năm. Đến nay cơ bản các dự án đã tiến

hành khởi công. Đối với 02 dự án trọng điểm liên kết vùng do Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư có tỷ trọng bố trí vốn lớn: Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2); dự án Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông (đến ngày 15/11/2022 hai công trình này mới giải ngân được 18.345 triệu đồng/ 378.000 triệu đồng, đạt 4,9%), đang lựa chọn nhà thầu xây lắp, dự kiến trong đầu tháng 12/2022 sẽ hoàn thành và cam kết giải ngân 100% kế hoạch vốn được bố trí.

- Tổng số thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh đến 31/10/2022 là 160.855 triệu đồng/265.000 triệu đồng số dự toán được giao, dự kiến số thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh năm 2022 là 180.189 triệu đồng/265.000 triệu đồng số dự toán được giao, đạt 68% dự toán được giao.

- Giá các vật liệu xây dựng trên thị trường tăng mạnh, nhất là sắt, thép xây dựng, xi măng, cát, sỏi... tác động trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng, một số dự án phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công, tiến độ giải ngân của dự án. Tại Kỳ họp chuyên đề lần thứ 6 HĐND tỉnh khóa IV, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư 06 dự án.

- Việc thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND các huyện, thành phố chưa thực sự quyết liệt, chưa chủ động dẫn đến nhiều dự án (*kể cả một số dự án chuyển tiếp*) còn nhiều vướng mắc, chưa bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công, như: Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil; Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân cơ - Nhân Đạo; Hồ Đắc R'tan, xã Đắc R'Tih, huyện Tuy Đức...

- Đối với các dự án ODA: Các quy trình, thủ tục và chính sách thực hiện dự án rất phức tạp, các dự án khi thực hiện phải vừa phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, vừa phải tuân thủ các điều kiện của Nhà tài trợ, ngoài ra phương thức giải ngân rút vốn phải thực hiện các bước theo trình tự từ cơ quan trung ương đến địa phương dẫn đến việc thực hiện và giải ngân các dự án ODA còn chậm. Tuy nhiên một phần trách nhiệm thuộc về các chủ đầu tư do không chủ động trong công tác quản lý, điều hành dự án, chậm phối hợp với Nhà tài trợ, công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan chưa chặt chẽ. Cụ thể một số dự án ODA giải ngân chậm như sau:

+ Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông: Tỷ lệ giải ngân 0%, nguyên nhân do từ đầu năm 2022 đến nay, dự án thực hiện các thủ tục điều chỉnh dự án (Fs), hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán phải điều chỉnh và trình nhiều lần trong quá trình thẩm định do hồ sơ chưa phù hợp; đồng thời do dự án sử dụng vốn vay ADB nên các thủ tục đầu tư, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu, quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng phải lấy ý kiến của Nhà tài trợ mất nhiều thời gian.

+ Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - tỉnh Đắk Nông (SACCR - tỉnh Đắk Nông): Tỷ lệ giải ngân 0%, nguyên nhân do các nội dung triển khai chậm so với kế hoạch đề ra, cụ thể: theo quy định về hỗ trợ thủy lợi các hộ hưởng lợi phải được tiến hành rà soát, kiểm chứng thông tin, sau đó gửi kết quả để Nhà Tài trợ và Ban CPO trung ương trực tiếp kiểm tra lại nên mất nhiều thời gian, mặt khác, các ao phân bố manh mún khắp các thôn của 16 xã dự án, một số ao ở vị trí hiểm trở, thời điểm rà soát vào mùa mưa... gây khó khăn rất lớn trong việc rà soát, lựa chọn đảm bảo tiêu chí theo quy định. Đồng thời do Ban trung ương chưa ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án, vì vậy thiếu cơ sở, căn cứ áp dụng để dự án triển khai, ảnh hưởng phần nào đến việc thực hiện dự án.

- Một số dự án có tính chất đặc thù, như: Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn Ngân hàng Thế giới được thực hiện theo cơ chế tài chính riêng theo quy định của Ngân hàng Thế giới vay vốn dựa trên kết quả, quy trình rút vốn hàng năm rất phức tạp, do đó các Chủ đầu tư công trình, cơ quan điều phối gặp rất nhiều khó khăn trong việc hoàn thiện các thủ tục để đủ điều kiện rút vốn. Ngoài ra, công tác phối hợp giữa UBND huyện (Chủ đầu tư) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan điều phối chương trình cấp tỉnh) chưa được chặt chẽ, dẫn đến hàng năm Chương trình chậm hoàn thiện thủ tục giải ngân.

+ Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông: Dự án thực hiện 02 gói thầu xây dựng giao thông lớn (bao gồm: (1) Đầu tư nâng cấp 14km đường giao thông tại Tỉnh lộ 686, 4km đường giao thông tại Tỉnh lộ 681 và 1 cầu mới, (2) Đầu tư nâng cấp 19km đường giao thông từ Quốc lộ 14 đến cửa khẩu Bu Prăng), do trong năm 2022 giá các vật liệu xi măng, cát, đá trên thị trường tăng mạnh ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các công trình giao thông, dự án đã phải thực hiện rà soát và điều chỉnh dự án. Ngoài ra, ngày 16/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2021/NĐ-CP, trong đó quy định các loại thuế, phí phải sử dụng nguồn vốn đối ứng để thanh toán, không sử dụng nguồn vốn ODA. Do đó, số vốn ODA của dự án hiện đang dôi dư so với chi phí hạng mục đầu tư được phê duyệt.

(Chi tiết kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 như Phụ lục I, II, III, IV đính kèm)

1.2. Cơ sở dự kiến kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 đạt 96,44% (Không bao gồm vốn các chương trình mục tiêu quốc gia)

Trên cơ sở các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, trong đó có giải pháp cắt giảm vốn của các dự án không có khả năng giải ngân hết trong năm 2022 để bổ sung cho các dự án có khả năng hấp thụ vốn; đồng thời qua đánh giá, phân tích và cam kết giải ngân vốn của các chủ đầu tư, hiện nay về cơ bản các khó khăn vướng mắc đã được giải quyết, vì

vậy theo Báo cáo số 705/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh thì dự kiến kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 là 2.576.091 triệu đồng/2.671.142 triệu đồng, đạt 96,44%, bao gồm:

- Nguồn ngân sách địa phương là 1.190.557 triệu đồng/1.192.730 triệu đồng, đạt 99,82%, do còn lại 2.173 triệu đồng nguồn Chính phủ vay về cho vay lại không còn nhu cầu phân bổ và giải ngân.

- Ngân sách trung ương: 1.232.500 tỷ đồng /1.232.500 tỷ đồng đạt 100%.

- Vốn ODA: 153.034 triệu đồng/245.912 triệu đồng đạt 62,23%, do một số dự án gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2022, UBND tỉnh đã có văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp điều chỉnh giảm kế hoạch ngân sách năm 2022 tỉnh Đắk Nông số tiền là 92.878 triệu đồng (tại Công văn số 6551/UBND-KT ngày 14/11/2022). Nếu trung ương thống nhất cho điều chỉnh giảm theo đề xuất của UBND tỉnh thì tiến độ giải ngân dự kiến đạt 100%.

Tuy nhiên, căn cứ tình hình triển khai thực tế, số thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh năm 2022 dự kiến chỉ đạt 180.189 triệu đồng/265.000 triệu đồng, đạt 68% dự toán HĐND tỉnh giao (giảm so với kế hoạch là 84.811 triệu đồng). Nguyên nhân hụt thu tiền sử dụng đất, UBND tỉnh đã báo cáo chi tiết với HĐND tỉnh tại Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2022, dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 tại Tờ trình số 7054/TTr-UBND ngày 02/12/2022, do đó dự báo kết quả giải ngân vốn năm 2022 (không bao gồm vốn các chương trình mục tiêu quốc gia) như sau:

Kế hoạch vốn giao năm 2022 là 2.671.142 triệu đồng, sau khi điều chỉnh giảm 84.811 triệu đồng còn lại là 2.586.311 triệu đồng. Dự báo khả năng giải ngân hết niên độ năm 2022 là 2.487.949,5 triệu đồng/ 2.493.453 triệu đồng, đạt 99,8% (*trong trường hợp được trung ương thống nhất cắt giảm 92.878 triệu đồng nguồn ODA*); trường hợp không được trung ương chấp thuận thì kết quả giải ngân là 2.487.949,5 triệu đồng/ 2.586.331 triệu đồng, đạt 96,2%, cụ thể như sau:

- Nguồn ngân sách địa phương là 1.102.415,5 triệu đồng/ 1.107.919 triệu đồng, đạt 99,5%, còn lại 5.503,5 triệu đồng nguồn Chính phủ vay về cho vay lại không còn nhu cầu nhận nợ và giải ngân (*sau khi được HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh giảm 84.811 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất do hụt thu theo Tờ trình số 7054/TTr-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh*).

- Ngân sách Trung ương: 1.232.500 tỷ đồng/1.232.500 tỷ đồng đạt 100%.

- Vốn ODA: 153.034 triệu đồng/ 153.034 triệu đồng, đạt 100% (*trường hợp được trung ương đồng ý cắt giảm 92.878 triệu đồng theo đề xuất của UBND tỉnh tại Công văn số 6551/UBND-KT ngày 14/11/2022*); trường hợp trung ương không chấp thuận thì kết quả giải ngân là 153.034 triệu đồng/ 245.912 triệu đồng đạt 62,23%.

1.3. Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị có liên quan:

Hiện nay, cơ bản các khó khăn vướng mắc liên quan đến giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đã được giải quyết, dự báo kết quả giải ngân năm 2022 đảm bảo mục tiêu đề ra; đồng thời, niên độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 gần kết thúc, do đó để có cái nhìn tổng thể, đánh giá trách nhiệm của từng cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan đến việc chậm giải ngân bắt buộc phải thực hiện cắt giảm vốn; phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư... UBND tỉnh sẽ báo cáo chi tiết, tổng thể với HĐND tỉnh sau khi hết thời gian giải ngân kế hoạch vốn năm 2022.

2. Đối với ý kiến: *Đánh giá cụ thể, chi tiết tình hình thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia*

UBND tỉnh sẽ báo cáo HĐND tỉnh cụ thể tại Báo cáo tiếp thu, giải trình về Báo cáo tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2022, kế hoạch năm 2023. Tuy nhiên, do khó khăn chung trên phạm vi cả nước trong công tác thực hiện và giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022, Quốc hội đã cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022.

3. Đối với ý kiến: *Báo cáo cụ thể tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội*

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 450/TTg-KTTH ngày 20/5/2022, Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 về danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Đắk Nông đã thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, với tổng mức đầu tư các dự án là 262.000 triệu đồng, theo đúng mức vốn thông báo của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo theo các mục tiêu đặt ra của chương trình, dự kiến thời gian thực hiện năm 2022-2023.

Cụ thể từng dự án:

(1) Dự án Đầu tư, phát triển trường cao đẳng cộng đồng Đắk nông tổng mức đầu tư 70.000 triệu đồng.

(2) Dự án: Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (*Thôn 2, Đắk Ngo, Hồ Số 2, Hồ Số 3, Thôn 2, Ea T'Ling, Thôn 3B*), bao gồm 07 dự án thành phần nhóm C, với tổng mức đầu tư dự kiến là 60.000 triệu đồng.

(3) Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh, được tổng mức đầu tư 30.000 triệu đồng;

(4) Dự án Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông, tổng mức đầu tư 86.550 triệu đồng;

(5) Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông, tổng mức đầu tư 15.450 triệu đồng;

Đến nay, Thủ Tướng Chính phủ mới giao kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương của chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho dự án Đầu tư, phát triển trường cao đẳng cộng đồng Đắk Nông 70.000 triệu đồng.

Hiện nay, nguồn kinh phí triển khai thực hiện các dự án phục hồi phát triển kinh tế xã hội được Bộ Kế hoạch đầu tư thông báo tại Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, theo đó sẽ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng trong năm 2023.

Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của Bộ Y tế tại Công văn số 6555/BYT-KHTC ngày 15/11/2022, tỉnh đã đăng ký nhu cầu bổ sung vốn cho dự án: Đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế cấp huyện, tỉnh Đắk Nông số tiền là 23.000 triệu đồng tại Công văn 6702/UBND-KT ngày 18/11/2022. Dự án đầu tư nêu trên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 (với số vốn đầu tư là 86.550 triệu đồng), việc bổ sung vốn nêu trên không làm phát sinh thêm dự án mới; bảo đảm tuân thủ đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội; bảo đảm các yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn nêu trên và không trùng với các dự án đã đề xuất đầu tư từ các nguồn vốn khác.

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vốn, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

4. Đối với ý kiến: *Thống nhất số liệu nguồn thu sử dụng đất năm 2023 giữa Báo cáo số 705/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2023 và Báo cáo số 659/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023*

Trong báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra Báo cáo số 659/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, UBND tỉnh sẽ giải trình cụ thể nội dung này.

5. Đối với ý kiến: *Báo cáo tình hình bố trí vốn cho các dự án đã được quyết toán hoàn thành, thanh toán nợ của các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025*

Đối với nội dung này, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh bố trí kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 (tại Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021; số 179/NQ-HĐND ngày 15/12/2021; số 25/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND tỉnh). Tại Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021, năm 2022 và dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023 sẽ bố trí vốn cho tất cả các dự án hoàn thành đã được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nêu trên.

Với một số dự án đã được bố trí vốn trong năm 2022 nhưng bị hụt thu tiền sử dụng đất, không nguồn để thực hiện, phải trình HĐND tỉnh giảm dự toán tại Tờ trình số 7054/TTr-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh, UBND

tỉnh đã cập nhật vào kế hoạch vốn nguồn ngân sách địa phương năm 2023 để xử lý dứt điểm.

Đối với các dự án khác chưa được tổng hợp, UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở đó sẽ tham mưu bố trí vốn hằng năm để tất toán công trình.

6. Đối với ý kiến: Báo cáo chi tiết, cụ thể tình hình bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2021 và năm 2022 từ nguồn ngân sách địa phương

Theo báo cáo số 705/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh và đề nghị điều chỉnh phân bổ kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023 nêu tại mục 4 nêu trên, thì tỷ lệ bố trí vốn cho các dự án khởi công mới năm 2021 và năm 2022 từ nguồn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

6.1. Đối với dự án khởi công mới năm 2021:

- Có 01 dự án nhóm B là dự án Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa, có tổng mức đầu tư 400.000 triệu đồng, dự kiến bố trí vốn đến năm 2023 là 247.025 triệu đồng, đạt 61,76%.

- Đối với 50 dự án nhóm C được khởi công mới năm 2021 thì dự kiến lũy kế bố trí vốn bình quân cho các dự án đến năm 2023 (03 năm) đạt 60,58%.

6.2. Đối với 60 dự án nhóm C được khởi công mới năm 2022 thì dự kiến lũy kế bố trí vốn bình quân cho các dự án đến năm 2023 (02 năm) đạt 36,32%.

Một trong số các nguyên nhân dẫn đến việc bố trí vốn thấp là do hụt thu sử dụng đất của cấp tỉnh năm 2021 là 83 tỷ đồng (trong đó để bố trí cho các dự án là 58.100 triệu đồng); năm 2022 dự kiến hụt thu nguồn sử dụng đất cấp tỉnh là 84.811 triệu đồng (trong đó để bố trí cho các dự án là 59.368 triệu đồng). Bên cạnh đó, theo kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 thì nguồn bổ sung cho đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương là 220.000 triệu đồng, trong đó dự kiến năm 2021 là 20.000 triệu đồng và các năm tiếp theo mỗi năm bố trí 50.000 triệu đồng; theo thực tế đến nay, năm 2021 đã bố trí là 20.000 triệu đồng, năm 2022 chỉ bố trí là 26.500 triệu đồng, còn năm 2023 chưa cân đối được nguồn vốn.

Để giải quyết nội dung trên, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan, nghiên cứu bù hụt thu nguồn thu sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý năm 2021, năm 2022 theo Luật Ngân sách nhà nước và bổ sung cho đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương. Trường hợp vẫn chưa đảm bảo, trong quá trình xây dựng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024, UBND tỉnh sẽ báo cáo HĐND tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương theo Khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019.

7. Đối với ý kiến: Bố trí vốn khởi công mới dự án Đường Tôn Đức Thắng nối 2 trục Bắc Nam là 15.000 triệu đồng và dự án Đường Lê Duẩn nối

đường Võ Văn Kiệt, thành phố Gia Nghĩa là 15.000 triệu đồng là thấp, không đảm bảo thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất

Khi xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 đã được tính toán kỹ lưỡng, dựa trên tính cấp thiết cũng như để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án theo cam kết với trung ương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí vốn để thực hiện khởi công mới năm 2023. Qua thực tiễn, công tác thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất là bước quan trọng, phức tạp, cần nhiều thời gian để triển khai thực hiện, do đó trong quá trình điều hành quản lý vốn đầu tư công hằng năm, căn cứ tình hình triển khai, UBND tỉnh sẽ thực hiện một số giải pháp để đảm bảo kế hoạch vốn phù hợp với tiến độ thực hiện dự án như: bổ sung vốn cho dự án trong quá trình điều chỉnh kế hoạch vốn hằng năm; ứng vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất...

(Dự thảo Nghị quyết sau khi tiếp thu, hoàn chỉnh kèm theo)

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Solhan

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

Phụ lục I
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022
 (Kèm theo Báo cáo số 756 /BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch vốn được giao năm 2022							Tình hình giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
		Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2022	Trong nước	Nước ngoài	Trong đó			Số vốn chưa phân bổ			
					Số vốn đã phân bổ	Tỷ lệ phân bổ	Số vốn đã phân bổ				
	Vốn ngân sách nhà nước	2.671.142	2.425.230	245.912	2.668.969	99,9%	2.173	1.406.071	52,6%		
1	Vốn đầu tư trong cán đối ngân sách địa phương	1.192.730	1.192.730		1.190.557	99,8%	2.173	723.242	60,6%		
2	Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ	1.232.500	1.232.500		1.232.500	100,0%	-	580.480	47,1%		
3	Vốn nước ngoài (ODA)	245.912		245.912	245.912	100%		102.349	41,6%		



Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 756 /BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						
						Tổng số					NSDP	
TỔNG CỘNG							1.192.730	723.242.270	60,6%			
A	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT						650.000					
I	Nguồn thu sử dụng đất cấp huyện						385.000	168.679.000	43,8%			
II	Nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh						265.000					
-	Trích lập Quỹ phát triển đất nguồn thu sử dụng đất cấp tỉnh						53.000					
-	Trích lập quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh (10% thu cấp tỉnh)						26.500					
-	Đầu tư các dự án cấp tỉnh (70% nguồn thu cấp tỉnh)						185.500					
II.1	Bố trí cho các dự án đã quyết toán, hoàn thành						751.301	289.117	25.723			
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						22.990	22.990	2.872			
1.1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2017-2020	39/QĐ-SXD ngày 29/3/2016; 142/QĐ-SXD ngày 09/9/2016		14.990	14.990	2.563	2.459.962	96,0%	20/QĐ-STC ngày 13/9/2021
1.2	Trường trung học phổ thông Đắk Glong (giai đoạn 2)	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2019-2020	216/QĐ-SXD ngày 30/10/2018		8.000	8.000	309	304.822	98,6%	121/QĐ-STC ngày 07/10/2020
2	Phát thanh, truyền hình, thông tin						3.432	3.432	358			
2.1	Cột ăng ten của Đài Truyền thanh huyện Đắk Mil; hạng mục: móng, cột ăng ten, cầu tháp, đèn bảo không và hệ thống tiếp địa.	Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2019-2021	212/QĐ-SXD ngày 30/10/2018		3.432	3.432	358	355.245	99,2%	139/QĐ-STC ngày 04/11/2020
3	Các hoạt động kinh tế						304.582	262.695	12.074			
	<i>Giao thông</i>						300.709	258.822	11.937			
3.1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 và số 4, Sùng Đức, thị xã Gia Nghĩa	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2008-2013	1760/QĐ-UBND ngày 27/11/2008		58.780	58.780	204	104.610	51,3%	189/QĐ-UBND ngày 22/1/2014; 1376/QĐ-UBND ngày 20/8/2019; 643/QĐ-UBND ngày 11/5/2021; 782/QĐ-UBND ngày 11/5/2021
3.2	Đường giao thông liên xã Đắk Sin - Đắk Ru, huyện Đắk R'lấp	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2019-2021	2435/QĐ-SGTVT ngày 11/10/2018		14.998	14.998	554	544.132	98,2%	60/QĐ-STC ngày 27/5/2021
3.3	Đường giao thông từ trung tâm xã Thuận Hà đi Quốc lộ 14C huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	UBND huyện Đắk Song	Đắk Song	2013-2015	1439/QĐ-UBND ngày 31/10/2012		49.552	10.000	4.687		0,0%	31/QĐ-STC ngày 22/3/2021
3.4	Đường vành đai 2, đoạn từ trạm y tế phường Nghĩa Phú đến cuối đường Lê Hồng Phong (giai đoạn 1)	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2013-2014	1922/QĐ-UBND ngày 21/10/2013; 298/QĐ-UBND ngày 10/3/2015; 988/QĐ-UBND ngày 28/6/2013		15.335	13.000	57		0,0%	1889/QĐ-UBND ngày 28/11/2017
3.5	Đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Sở Giao thông vận tải	Gia Nghĩa	2010-2014	1529/QĐ-UBND ngày 06/10/2009		162.044	162.044	6.435	6.435.000	100,0%	Bố trí trả nợ theo phán quyết của Tòa án
	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>						3.873	3.873	137			
3.6	Dự án trợ số làm việc Đội quản lý thị trường huyện Đắk R'lấp	Sở Công Thương tỉnh	Đắk R'lấp	2018-2019	1559a/QĐ-UBND; 299/QĐ-SXD ngày 30/10/2017		3.873	3.873	137	134.157	97,9%	153/QĐ-STC ngày 10/12/2020
4	Ngân sách trung ương dùng hỗ trợ						420.297	-	10.419			
4.1	Các hoạt động kinh tế						393.563	-	9.113			
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>						114.310	-	4.820			
4.1.1	Công trình thủy lợi Đắk Sơn 3, xã Đắk Mol, huyện Đắk Song (Thuộc cụm công trình thủy lợi Đắk R'lấp - Đắk Song)	UBND huyện Đắk Song	Đắk Song	2013-2015	177/QĐ-SKH ngày 31/10/2012		24.310		520	290.720	55,9%	14/QĐ-STC ngày 11/2/2020

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					NSDP
4.1.2	Công trình thủy lợi suối đá xã Quảng Hòa, huyện Đắk G'long	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.	Đắk G'Long	2018-2022	988/QĐ-UBND ngày 12/6/2017; 1975/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	90.000		4.300	2.000,000	46,5%	
	<i>Giao thông</i>					279.253	-	4.293			
4.1.3	Đường vào xã Đắk R'moan, thị xã Gia Nghĩa	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2009-2017	1342/QĐ-UBND ngày 23/9/2008	26.082		356		0,0%	2163/QĐ-UBND ngày 27/12/2018
4.1.4	Đường giao thông liên xã Trường Xuân - Năm N'Jang, huyện Đắk Song (giai đoạn 1: Từ Quốc lộ 14 đi thôn 8 xã Trường Xuân)	UBND huyện Đắk Song	Đắk Song	2013-2015	1465/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	29.155		943	942,294	99,9%	67/QĐ-STC ngày 10/6/2021
4.1.5	Đường Đắk Mâm đi đôn 7 (759) - Tỉnh lộ 3 đoạn từ Km0+000 đến Km0+900 và đoạn nối trục N7 thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	UBND huyện Krông Nô	Krông Nô	2013-2017	1432/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1838/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	78.035		146	145,625	99,7%	845/QĐ-UBND ngày 17/6/2021
4.1.6	Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2013-2017	1433/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 805/QĐ-CTUBND 05/4/2013; 3237/QĐ-CTUBND 18/11/2013	78.672		836		0,0%	388/QĐ-UBND ngày 23/3/2021
4.1.7	Đường vào xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song	UBND huyện Đắk Song	Đắk Song	2013-2017	357/QĐ-UBND ngày 05/6/2009; 1438/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1081/QĐ-UBND ngày 29/10/2017	56.653		1.202		0,0%	179/QĐ-STC ngày 29/12/2020
4.1.8	Đoạn đường 23 tháng 3 đến đường vào trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai và đoạn đường từ trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Cao Thắng	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2015-2017	241/QĐ-SKH ngày 31/10/2014	10.656		810	537,199	66,3%	136/QĐ-STC ngày 12/10/2021
4.2	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>					26.734		1.306			
4.2.1	Trồng cây xanh, một phần tường rào và một số hạng mục khác thuộc công trình Trụ sở làm việc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Gia Nghĩa	2015-2018	1641/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	26.734		1.306	1.291,061	98,9%	1461/QĐ-UBND ngày 01/9/2021
II.2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					149.000	149.000	12.000			
I	Các hoạt động kinh tế					149.000	149.000	12.000			
	<i>Giao thông</i>					90.000	90.000	2.000			
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đường tỉnh lộ 1.	Ban QL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Đắk R'lấp; Tuy Đức	2019-2021	1248/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	90.000	90.000	2.000		0,0%	
	<i>Quy hoạch</i>					59.000	59.000	10.000			
1.2	Lập nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	Sơ Kế hoạch và Đầu tư	Đắk Nông	2020-2022	1717/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; 964/QĐ-TTg ngày 07/7/2020; 1575/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	59.000	59.000	10.000	452,420	4,5%	
II.3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					539.240	539.240	125.500			
I	Văn hóa, thông tin					124.740	124.740	5.000			
1.1	Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông	Ban QL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2023	1732/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	124.740	124.740	5.000		0,0%	
2	Các hoạt động kinh tế					400.000	400.000	120.500			
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>					400.000	400.000	120.500			
2.1	Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	1871/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	400.000	400.000	120.500	95.500,000	79,3%	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số					NSDP
3	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>										
3.1	Công viên hoa Thanh niên và Khu vui chơi, giải trí thanh thiếu nhi tỉnh Đắk Nông	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	371/QĐ-SXD ngày 25/12/2020	14.500	14.500	-		#DIV/0!	
II.4	Dự án khởi công mới năm 2022					45.371	45.371	22.277			
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					13.000	13.000	5.000			
1.1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng cơ sở 2 - Trường Cao đẳng công đồng Đắk Nông	Trường Cao đẳng công đồng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	52/QĐ-SXD ngày 29/4/2022	13.000	13.000	5.000		0,0%	
2	Thể dục, thể thao					6.000	6.000	3.500			
2.1	Sửa chữa, cải tạo và mở rộng khuôn viên công trình Nhà tập luyện và thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	63/QĐ-SXD ngày 17/5/2022	6.000	6.000	3.500	1.050.000	30,0%	
3	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>					26.371	26.371	13.777			
3.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban tổ chức tỉnh Ủy Đắk Nông	Văn phòng tỉnh ủy Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	57/QĐ-SXD ngày 04/5/2022	3.500	3.500	2.400	883,627	36,8%	
3.2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban tuyên giáo tỉnh Ủy Đắk Nông	Văn phòng tỉnh ủy Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	58/QĐ-SXD ngày 10/5/2022	3.388	3.388	2.300	891,000	38,7%	
3.3	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục thuộc dự án Trụ sở làm việc Tỉnh Ủy Đắk Nông	Văn phòng tỉnh ủy Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	560/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	4.483	4.483	3.077	1.094,290	35,6%	
3.4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	714/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	15.000	15.000	6.000	3.000,000	50,0%	
B	NGUỒN XỐ SỔ KIẾN THIẾT					123.791	123.791	28.000			
I	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					61.491	61.491	15.500			
I.1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					27.500	27.500	7.500			
1	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường Phổ thông DTNT THCS & THPT huyện Tuy Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tuy Đức	2021-2023	302/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	10.000	10.000	2.500	1.844,602	73,8%	
2	Cải tạo cơ sở 2 Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông	Trường Cao đẳng công đồng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	328/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	7.500	7.500	1.500	1.500,000	100,0%	
3	Trường THPT Đắk Glong (giai đoạn 3), hạng mục: 08 phòng học bộ môn cùng trang thiết bị kèm theo; Khu thể dục thể chất và hệ thống tường rào xung quanh	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk G'Long	Đắk Glong	2021-2023	331/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	10.000	10.000	3.500	3.290,187	94,0%	
I.2	Y tế, dân số và gia đình					33.991	33.991	8.000			
1	Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk RLấp	Sở Y tế	Đắk RLấp	2021-2023	1904/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	33.991	33.991	8.000	8.000,000	100,0%	
II	Các dự án khởi công mới năm 2022					62.300	62.300	12.500			
II.1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					20.000	20.000	4.000			
1	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, cải tạo khối phòng học 02 tầng thành nhà thư viện, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lê Duẩn, huyện Đắk G'Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đắk Glong	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	2.000	1.000,000	50,0%	
2	Xây dựng Hội trường, bể bơi Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2352/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	10.000	2.000	2.000,000	100,0%	
II.2	Y tế, dân số và gia đình					30.300	30.300	5.000			
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Song	Ban QL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	2022-2024	2313/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	30.300	30.300	5.000		0,0%	
II.3	Xã hội					12.000	12.000	3.500			
1	Xây dựng Nhà đa chức năng, nhà bảo vệ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đắk Nông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2119/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	12.000	12.000	3.500	1.172,000	33,5%	
C	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							467.930			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số					NSDP
I	Phân cấp cho cấp huyện (30%)						132.429	127.889,000	96,6%		
1	Huyện Cư Jút						16.555		0,0%		
2	Huyện Krông Nô						14.418		0,0%		
3	Huyện Đắk G'Long						19.483		0,0%		
4	Huyện Đắk Mil						16.210		0,0%		
5	Huyện Đắk Song						13.915		0,0%		
6	Huyện Tuy Đức						16.865		0,0%		
7	Huyện Đắk R'Lấp						16.111		0,0%		
8	Thành phố Gia Nghĩa						18.872		0,0%		
II	Đề nghị đầu tư cấp tỉnh (70%)						335.501				
II.1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022						761.588	162.639	9.341		
1	Khoa học, công nghệ						35.000	35.000	5.000		
1.1	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh	Đắk Nông	2019-2021	1719/QĐ-UBND ngày 31/10/2018		35.000	35.000	5.000	5.000,000	100,0%
2	Các hoạt động kinh tế						726.588	127.639	4.341		
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						705.588	107.639	2.341		
	<i>Đổi ứng các dự án NSTW, ODA</i>						<i>705.588</i>	<i>107.639</i>	<i>2.341</i>		
2.1	Hồ chứa nước Đắk N'Ting, tỉnh Đắk Nông	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông	Đắk Glong		1717/QĐ-UBND ngày 31/10/2018		137.839	32.000	841	840,027	99,9%
2.2	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án Vn-AT), tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	2015-2022	1992/QĐ-BNN ngày 29/5/2015; 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020		327.590	52.970	892	892,000	100,0%
2.3	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WBS), tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WBS)	Đắk Nông	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/04/2015; 1679/QĐ-UBND ngày 08/10/2021		240.159	22.669	608	608,000	100,0%
b	Giao thông						21.000	20.000	2.000		
2.4	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho hộ gia đình bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2019-2021	1721/QĐ-UBND ngày 31/10/2018		21.000	20.000	2.000	2.000,000	100,0%
II.2	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022						939.784	907.705	177.714		
1	Quốc phòng						43.100	43.100	11.211		
1.1	Đầu tư xây dựng Nhà kho pháo (Công trình cấp bách)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	2021-2023	330/QĐ-SXD ngày 14/12/2020		4.500	4.500	1.000	1.000,000	100,0%
1.2	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	1836/QĐ-BTL ngày 14/12/2020		3.000	3.000	1.000	905,025	90,5%
1.3	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	1837/QĐ-BTL ngày 14/12/2020		3.000	3.000	1.000	988,339	98,8%
1.4	Thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, hạng mục: Sân lắp mặt bằng, kê ốp mái taluy, cống thoát nước	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Krông Nô	2021-2023	343/QĐ-SXD ngày 14/12/2020		3.200	3.200	1.000	1.000,000	100,0%
1.5	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Đắk Mil. Hạng mục: Nhà hội trường	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2021-2023	340/QĐ-SXD ngày 14/12/2020		3.700	3.700	1.278	1.278,000	100,0%
1.6	Doanh trại dBB301/eBB994/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông. Hạng mục: Nhà hội trường	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Đắk Glong	2021-2023	346/QĐ-SXD ngày 14/12/2020		8.700	8.700	2.050		0,0%
1.7	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Dang (769)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2021-2023	2411/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2020		10.000	10.000	1.083	1.083,000	100,0%
1.8	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	293/QĐ-SXD ngày 18/11/2020		7.000	7.000	2.800	1.800,000	64,3%

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số					NSDP
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội					25.747	25.747	7.263			
2.1	Sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở doanh trại và nhà làm việc nghiệp vụ cảnh sát	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	317/QĐ-SXD ngày 09/12/2020	14.500	14.500	3.363	3.124,888	92,9%	
2.2	Sửa chữa, cải tạo hệ thống mương thu nước Công an tỉnh	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	311/QĐ-SXD ngày 08/12/2020	2.500	2.500	888	888,000	100,0%	
2.3	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và xây dựng Trại tạm giam của Công an tỉnh Đắk Nông	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	310/QĐ-SXD ngày 08/12/2020	3.000	3.000	1.000	1.000,000	100,0%	
2.4	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Phòng Cảnh sát cơ động (trụ sở làm việc Công an thành phố Gia Nghĩa - cũ)	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	292/QĐ-SXD ngày 24/11/2020	2.400	2.400	838	838,000	100,0%	
2.5	Sửa chữa, nâng cấp Trường bắn của Công an tỉnh	Công an tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	2021-2023	296/QĐ-SXD ngày 01/12/2020	3.347	3.347	1.174	1.174,000	100,0%	
3	Văn hóa, thông tin					9.000	9.000	1.300			
3.1	Chống xuống cấp tu bổ di tích địa điểm lưu niệm N'Trang Gư, xã Buôn Choanh, huyện Krông Nô; hạng mục: Nhà Bia tưởng niệm và hạ tầng kỹ thuật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Krông Nô	2021-2023	376/QĐ-SXD ngày 28/12/2020	3.000	3.000	300	299,99993	100,0%	
3.2	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Krông Nô	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	2991/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	6.000	6.000	1.000	1.000,000	100,0%	
4	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					24.700	24.700	5.615			
4.1	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, phát sóng chương trình phát thanh, hệ thống thiết bị và phần mềm truyền thông hội tụ	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	2004/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	24.700	24.700	5.615	5.615,000	100,0%	
5	Các hoạt động kinh tế					726.234	695.055	127.282			
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					21.196	21.196	2.183			
5.1	Dự án Xây dựng 10 trạm quản lý bảo vệ rừng tại các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đắk Nông	2021-2023	367/QĐ-SXD ngày 22/12/2020	14.999	14.999	-		#DIV/0!	
5.2	Công, hàng rào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	324/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	6.197	6.197	2.183	1.149,000	52,6%	
b	Giao thông					705.038	673.859	121.099			
5.3	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông trên 5 tầng, xã Đắk R'La, huyện Đắk Mũi đến xã Cư K'nia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Ban QL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Đắk Mũi; Cư Jút	2021-2023	1762/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	79.000	79.000	7.000	2.084,182	29,8%	
5.4	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	Ban QL các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	1827/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	77.000	77.000	16.903	15.836,945	93,7%	
5.5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thành Tông, thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	1851/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	70.000	56.693	7.000	6.387,820	91,3%	
5.6	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Ha	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk G'Long	Đắk Glong	2021-2023	2642/QĐ-SGTVT ngày 08/12/2020	14.181	12.981	4.000	4.000,000	100,0%	
5.7	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk G'Long	Đắk Glong	2021-2023	2700/QĐ-SGTVT ngày 11/12/2020	14.000	14.000	4.000	2.868,677	71,7%	
5.8	Đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đắk Ngo huyện Tuy Đức	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2021-2023	1732/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	30.000	30.000	5.000	2.244,524	44,9%	
5.9	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác, thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2021-2023	1862/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	40.000	38.400	7.000	6.584,200	94,1%	
5.10	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (ĐH65)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	19.700	5.500	4.000,000	72,7%	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số					NSDP
5.11	Đường từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (ĐH 59)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1715/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	20.000	20.000	5.700	4.000,000	70,2%	
5.12	Đường giao thông xã Nam Dong đi Đắk D'rông - Đắk Wil	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1816/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	58.000	58.000	11.000	10.999,948	100,0%	
5.13	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã tư Phan Chu Trinh và xã Nam Dong, hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1866/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	50.000	50.000	7.000	7.000,000	100,0%	
5.14	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tâm Thắng - Ea Ting, hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1902/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	30.000	30.000	6.800	5.000,000	73,5%	
5.15	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ (ĐT.683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2021-2023	1864/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	36.000	32.000	6.000	4.518,414	75,3%	
5.16	Đường giao thông liên xã Đắk R'La đi xã Đắk N'Drôt, huyện Đắk Mil	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2021-2023	1850/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	49.407	45.432	7.000	6.895,241	98,5%	
5.17	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2021-2023	1853/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	42.000	37.000	7.000	2.905,475	41,5%	
5.18	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'drưng - Thuận Hà	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2021-2023	2455/QĐ-SGTVT ngày 16/11/2020	13.500	13.033	3.000	2.245,135	74,8%	
5.19	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TD); HM: Xây dựng mới cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4,5Km đường	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	2535/QĐ-SGTVT ngày 25/11/2020	14.950	14.950	3.196	3.184,179	99,6%	
5.20	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'Tiê và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp.	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1815/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	22.000	21.670	4.000	3.275,524	81,9%	
5.21	Tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'tiê đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đắk R'lấp đầu nối với đường vào xã Đắk Ngo).	BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1865a/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	25.000	24.000	4.000	2.124,686	53,1%	
c	Quy hoạch							4.000			
5.22	Lập nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đắk Nông	2020-2022	1717/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; 964/QĐ-TTg ngày 07/7/2020; 1575/QĐ-UBND	59.000	59.000	4.000	3.633,272	90,8%	
6	Hoạt động của các cơ quan quân lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					111.003	110.103	25.043			
6.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đăng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (Giai đoạn 1: Nâng cấp, bổ sung hạ tầng kỹ thuật)	Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	Đắk Nông	2021-2023	1929/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	9.569	9.569	6.693	6.693,000	100,0%	
6.2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	Sở Xây dựng	Gia Nghĩa	2021-2023	273/QĐ-SXD ngày 06/11/2020	3.000	3.000	250	224,072	89,6%	
6.3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2021-2023	326/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	4.500	4.500	700	700,000	100,0%	
6.4	Hội trường đa năng và phòng họp trực tuyến thuộc trụ sở làm việc HĐND-UBND thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	301/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	14.998	14.998	2.400	1.000,000	41,7%	
6.5	Xây dựng Trụ sở và kho lưu trữ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Gia Nghĩa	2021-2023	1854/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	27.688	27.688	4.000	4.000,000	100,0%	
6.6	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Som	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk G'Long	Đắk Glong	2021-2023	325/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.500	14.500	3.000	2.528,775	84,3%	
6.7	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Ru	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2021-2023	327/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.048	14.048	3.000	2.600,000	86,7%	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số					NSDP
6.8	Trụ sở HDND&UBND xã Đắk Nang	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700	13.800	3.000	3.000,000	100,0%	
6.9	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk R'Tiê; Hàng mục: Xây mới Nhà làm việc tổ một cửa, Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc công an xã, Nhà xe, nhà vệ sinh, Hạ tầng kỹ thuật và Trang thiết bị	Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	298/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	8.000	8.000	2.000	1.000	50,0%	
II.3	Các dự án khởi công mới năm 2022					829.304	820.866	142.046			
1	Quốc phòng					35.000	35.000	10.001			
1.1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	342/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.000	3.000	1.501	1.501,000	100,0%	
1.2	Nâng cấp, cải tạo Sở Chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	1735/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.000	5.000	2.500	1.500,000	60,0%	
1.3	Cải tạo, nâng cấp Trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu Bu Prâng/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đắk Nông	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2022-2024	2038/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	7.000	7.000	2.000	2.000,000	100,0%	
1.4	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Mhai (757) và đường vào Đồn Biên phòng Đắk Lao (759)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil	2022-2024	1481/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	10.000	10.000	2.000	1.999,910	100,0%	
1.5	Tường rào, thao trường huấn luyện Trinh sát - Trinh sát đặc nhiệm	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2093/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	2.000	2.000,000	100,0%	
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội					17.000	17.000	5.262			
2.1	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thu thoát nước khu tạm giữ và xây dựng nhà ở doanh trại công an huyện Đắk Song	Công an tỉnh Đắk Nông	Đắk Song	2022-2024	1736/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.500	5.500	1.500	1.500,000	100,0%	
2.2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà tạm giữ của Công an huyện Đắk Mil và Đắk R'Lấp	Công an tỉnh Đắk Nông	Đắk Mil, Đắk R'Lấp	2022-2024	1931/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3.000	3.000	1.131	1.131,000	100,0%	
2.3	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Ban Giám đốc và khối trực thuộc Công an tỉnh	Công an tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	1738/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	3.000	3.000	1.131	1.131,000	100,0%	
2.4	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thu thoát nước khu tạm giữ và xây dựng nhà ở doanh trại công an huyện Tuy Đức	Công an tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2022-2024	1737/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.500	5.500	1.500	1.500,000	100,0%	
3	Khoa học, công nghệ					69.000	69.000	9.000			
3.1	Xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số và đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Gia Nghĩa	2022-2024	2366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	57.000	57.000	7.000	6.989,358	99,8%	
3.2	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Gia Nghĩa	2022-2024	2404/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	12.000	12.000	2.000	870,746	43,5%	
4	Y tế, dân số và gia đình					5.000	5.000	1.500			
4.1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Glông	Sở Y tế	Đắk Glông	2022-2024	1930/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	5.000	5.000	1.500	1.443,246	96,2%	
5	Văn hóa, thông tin					39.485	39.485	12.000			
5.1	Cải tạo nhà ngục Đắk Mil	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2095/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	2.000	1.423,350	71,2%	
5.2	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV (1959-1975) tại Năm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn 1	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2058/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	10.000	10.000	2.000	1.999,982	100,0%	
5.3	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Đắk Song	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2050/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	5.000	5.000	1.500	1.219,999	81,3%	
5.4	Điểm dừng chân công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	Ban QLDA và PTQĐ huyện Đắk Glông	Đắk Glông	2022-2024	2098/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	6.000	6.000	3.000	1.724,317	57,5%	
5.5	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại điểm số 8 (núi lửa Năm Kar) và điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa)	Ban QLDA và PTQĐ huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2201/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	8.485	8.485	3.500	2.063,993	59,0%	
6	Các hoạt động kinh tế					459.629	454.191	62.797			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số					NSDP
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>					15.000	15.000	3.800			
6.1	Hồ Đắc Rí 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	3.800	2.000,000	52,6%	
	<i>Giao thông</i>					444.629	439.191	58.997			
6.2	Đường giao thông từ thôn M'rang đi bon Mê Ra, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức thuộc dự án ổn định dân cư tự do xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tuy Đức	2022-2024	1896/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	11.000	11.000	2.000	1.999,761	100,0%	
6.3	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh huyện Đắk Song	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2053/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	12.600	12.600	2.000	2.000,000	100,0%	
6.4	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2022-2024	1718/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	20.000	20.000	3.000	2.853,000	95,1%	
6.5	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Nhân Đạo đi đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2022-2024	1895/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	14.979	14.979	3.000	3.000,000	100,0%	
6.6	Đường giao thông trung tâm xã Nghĩa Thắng đi thôn Quảng Phước, xã Đạo Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2022-2024	1975/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	30.000	30.000	6.400	5.000,000	78,1%	
6.7	Đường giao thông từ huyện Tuy Đức đi huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (đoạn từ cầu Đắk Loan đi cầu Đắk Nguyên) - Trục D3	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1950/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	36.000	36.000	5.000	4.969,918	99,4%	
6.8	Đường giao thông liên xã Đắk Ru - huyện Đắk R'Lấp đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ Trung đoàn 720 đi ngã ba Trung Văn)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1949/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	16.250	16.250	3.000	2.964,903	98,8%	
6.9	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	1863/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	25.000	25.000	447		0,0%	
6.10	Đường liên xã Lực Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (Từ quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 682)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2203/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	18.000	18.000	3.000	1.503,817	50,1%	
6.11	Nhựa hóa đường giao thông liên xã Đắk R'Măng - Quảng Hòa (Lý trình từ Km0+00 đến Km13+184)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2180/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	25.000	25.000	4.000	4.000,000	100,0%	
6.12	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	30.000	24.562	4.000	3.839,292	96,0%	
6.13	Đường giao thông từ xã Đắk Drô đi xã Tân Thành, huyện Krông Nô (DH66)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1517/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	20.000	20.000	3.000	3.000,000	100,0%	
6.14	Đường giao thông liên xã thị trấn EaT'ling-Trúc Sơn-Cư K'nia-Nam Đông	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Krông Nô	2022-2024	2012/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	43.000	43.000	6.000	6.000,000	100,0%	
6.15	Đường Lê Hồng Phong nối đường tránh thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2025	1898/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	35.000	35.000	4.500	3.678,399	81,7%	
6.16	Nâng cấp đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tỉnh Đắk Nông	Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	Đắk Glong - Krông Nô	2022-2024	2284/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	18.000	18.000	4.700	3.000,000	63,8%	
6.17	Đường giao thông từ QL 14 vào cầu thôn 2 xã Trường Xuân huyện Đắk Song, kết nối với đường phía tây thủy điện Đắk R'Th đến xã Đắk Rmoan	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2272/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	45.000	45.000	498	497,681	99,9%	
6.18	Nâng cấp đường giao thông liên xã Năm N'Jang và xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2270/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	19.800	19.800	452	451,536	99,9%	
6.19	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Quảng Tín đi Đắk Sin (Đoạn từ Km208-QL14 đi Đắk Sin)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2022-2024	2256/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	25.000	25.000	4.000	4.000,000	100,0%	
7	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>					204.190	201.190	41.486			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT					
						Tổng số					NSDP
7.1	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Tuy Đức; Hàng mục: Nhà hội trường, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	2118/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	2.000	1.903,630	95,2%	
7.2	Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Tân Thành	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2039/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	5.000	5.000	2.200	1.480,757	67,3%	
7.3	Trụ sở làm việc Đảng ủy - Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Đắk NĐrung	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	8.000	8.000	3.000	1.930,000	64,3%	
7.4	Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Đắk Nông	Thanh tra tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2202/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.800	3.800	2.000	1.529,764	76,5%	
7.5	Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	1168/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	5.000	5.000	3.000	2.000,000	66,7%	
7.6	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Ha	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk G'Long	Đắk Glong	2022-2024	299/QĐ-SXD ngày 27/11/2020	14.500	14.500	2.850	2.850,000	100,0%	
7.7	Trụ sở làm việc chung cho các Hội có tính chất đặc thù tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	1747/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	30.000	30.000	4	3,855	100,0%	
7.8	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn 2: Đầu tư, phát triển phần mềm ứng dụng)	Văn phòng Tỉnh ủy	Đắk Nông	2022-2024	1854/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	9.994	9.994	2.945	2.899,182	98,4%	
7.9	Nhà luyện tập và chạy chương trình Đoàn ca mùa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	341/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	5.500	5.500	2.237	2.237,000	100,0%	
7.10	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2183/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	18.000	15.000	2.850	2.743,412	96,3%	
7.11	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND & UBND xã Thuận Hà	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	1976/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	8.000	8.000	2.000	1.448,669	72,4%	
7.12	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Wer	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2022-2024	354/QĐ-SXD ngày 18/12/2020	14.990	14.990	2.850	2.668,617	93,6%	
7.13	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Quảng Tân	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	355/QĐ-SXD ngày ngày 21/12/2020	14.500	14.500	2.850	2.820,199	99,0%	
7.14	Xây dựng Trụ sở làm việc đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng	Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	2022-2024	318/QĐ-SXD ngày 09/12/2020	10.000	10.000	-		#DIV/0!	
7.15	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Quảng Tín	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2022-2024	2384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.000	14.000	3.000	3.000,000	100,0%	
7.16	Mở rộng Trụ sở làm việc Sở Y tế	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2022-2024	2094/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.906	2.906	2.000	1.997,711	99,9%	
7.17	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đạo Nghĩa	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2022-2024	2385/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	2.850	2.779,055	97,5%	
7.18	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	2364/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	2.850	2.345,523	82,3%	
II.4	Đổi ứng chương trình mục tiêu quốc gia							6.400			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới							6.400			
D	NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI							46.800			
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022							882			
I.1	Các hoạt động kinh tế							882			
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							882			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2022	Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					NSDP
1	Dự án Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)		2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 873/QĐ-UBND ngày 6/6/2018; 1679/QĐ-UBND ngày 8/10/2021	240.159		882	882,000	100,0%	
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					1.085.573	-	43.745			
II.1	Các hoạt động kinh tế					1.085.573	-	43.745			
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					516.715	-	12.200			
1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT		2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019	516.715		12.200		0,0%	
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông			2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019;	216.653		4.120		0,0%	
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông			2018-2024	663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019	300.062		8.080		0,0%	
2	Giao thông					568.858	-	29.643			
2.1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông		2017-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017	568.858		29.643	11.158,388	37,6%	
3	Cấp nước, thoát nước					97.875	-	1.902			
3.1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp & Phát triển NT (Cơ quan điều phối)		2016-2022	3606/QĐ-BNN, ngày 04/9/2015; 3102/QĐ-BNN ngày ngày 21/7/2016	97.875		1.902			
III	Thông báo sau						-	2.173			
III.1	Các hoạt động kinh tế					441.966	-	2.173			
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					240.159	-	1.575			
1.1	Dự án Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)		2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 873/QĐ-UBND ngày 6/6/2018; 1679/QĐ-UBND ngày 8/10/2021	240.159		1.575			
2	Cấp nước, thoát nước					201.807	-	598			
2.1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp & Phát triển NT (Cơ quan điều phối)		2016-2022	3606/QĐ-BNN, ngày 04/9/2015; 3102/QĐ-BNN ngày ngày 21/7/2016	201.807		598			

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 756/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chức đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Tổng số	Trong đó: thu hồi ứng trước			
	TỔNG CỘNG											
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021									580.480,474	47,1%	
<i>a</i>	<i>Quốc phòng, an ninh</i>											
1.1	Hạ tầng khu dân cư BDBP và khu tái định cư nhân dân (Khu A)	Bộ đội chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh	Gia Nghĩa	2010-2013	28/QĐ-SKH ngày 05/5/2011	18.864	18.864	7.135	7.135	7.135,000	100,0%	97/QĐ-STC ngày 29/7/2016
1.2	Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở cán bộ, chiến sỹ công an tỉnh Đắk Nông (Khu Tinh lộ 4)	Công an tỉnh	Gia Nghĩa		1088/QĐ-UBND ngày 22/7/2010	20.418	20.418	3.334	3.334	3.334,000	100,0%	1812/QĐ-UBND ngày 11/11/2015
1.3	Làng quân nhân Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2009-2018	1669/QĐ-UBND ngày 19/10/2010	147.335	147.335	1.242	1.242	1.242,000	100,0%	306/QĐ-UBND ngày 05/3/2015
1.4	Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở cán bộ, chiến sỹ Công an tỉnh Đắk Nông (Sông Đùc)	Công an tỉnh	Gia Nghĩa		1244/QĐ-UBND ngày 13/9/2008	17.810	14.307	14.307	14.307	14.307,000	100,0%	372/QĐ-UBND ngày 19/3/2016
1.5	Đường Giao thông từ Đồn biên phòng 765 đi thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2016-2020	458/QĐ-UBND ngày 25/3/2016	81.000	81.000	655			0,0%	
<i>b</i>	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản</i>											
1.6	Phát triển sản xuất, ổn định đời sống và xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân cư từ do huyện Đắk Glông	UBND huyện Đắk Glông	Đắk Glông	2009-2010	1392/QĐ-UBND; 1383/QĐ-UBND ngày 03/07/2009	13.335	13.335	3.039	3.039	3.039,000	100,0%	
1.7	Dự án Phát triển Lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên (FLITCH)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2007-2014	1052/QĐ-BNN-LN ngày 16/4/2007	171.520	51.264	6.148	6.148	6.147,859	100,0%	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/12/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					TMĐT		Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: thu hồi ứng trước				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)							
1.8	Dự án ổn định dân di cư từ do xã Quảng Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2013-2021	1554/QĐ-UBND ngày 6/10/2011; 1572/QĐ-UBND ngày 20/10/2014; 558/QĐ-UBND ngày 22/4/2020; 688/QĐ-UBND ngày 19/5/2020	122.213	97.000	20.000	20.000	20.000.000	100,0%		
1.9	Dự án quy hoạch ổn định dân cư biên giới, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	Tuy Đức		664/QĐ-UBND ngày 19/5/2010; 1227/QĐ-UBND ngày 27/9/2012;	358.687	358.687	102.430	102.430	102.430.000	100,0%		
1.10	Dự án ổn định dân di cư từ do xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2014-2020	1737/QĐ-UBND ngày 29/10/2010; 714/QĐ-UBND ngày 22/5/2020	56.105	56.105	255	255	254.975	100,0%		
1.11	Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức giai đoạn 2	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Tuy Đức	2018-2022	1716/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1257/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	300.000	201.600	8.969		739.168	8,2%		
1.12	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Toàn tỉnh	2018-2022	1745/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	198.500	166.000	1.006		116.813	11,6%		
<i>c</i>	<i>Công nghiệp</i>					<i>20.638</i>	<i>7.014</i>	<i>1.606</i>	<i>1.606</i>				
1.12	Cấp điện xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	Đắk Glong		1842/QĐ-UBND ngày 11/12/2008; 426/QĐ-UBND ngày 02/4/2010; 459/QĐ-UBND ngày 13/4/2010	20.638	7.014	1.606	1.606	1.606.000	100,0%	73/QĐ-UBND ngày 13/01/2017	
<i>d</i>	<i>Cấp nước, thoát nước</i>					<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>19.304</i>	<i>19.304</i>				
1.13	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung xã Ea Pô, huyện Cư Jut	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cư Jut	2017	214/QĐ-SNN ngày 15/5/2017; 869/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	10.000	10.000	9.775	9.775	9.775.000	100,0%	133/QĐ-UBND ngày 27/8/2019	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: thu hồi ứng trước			
						Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1.14	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn 4, xã Thuận Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đắk Song	2017	212/QĐ-SNN ngày 15/5/2017; 1043a/QĐ-SNN ngày 11/12/2017	5.000	5.000	4.672	4.672	4.672,000	100,0%	132/QĐ-UBND ngày 27/8/2019
1.15	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung xã Trúc Sơn, huyện Cư Jut	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cư Jut	2017	213/QĐ-SNN ngày 15/5/2017; 868/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	5.000	5.000	4.857	4.857	4.857,000	100,0%	134/QĐ-UBND ngày 27/8/2019
<i>e</i>	<i>Giao thông</i>					246.954	100.408	16.538	16.538			
1.16	Đường cầu bê tông, cầu nạm xã Quảng Khê huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	Đắk Glong		15499/BTC-DT 15/11/2010	680	680	680	680	680,000	100,0%	
1.17	Ba tuyến đường giao thông khu vực Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Sở Giao thông Vận tải	Gia Nghĩa	2010-2012	214/QĐ-UBND ngày 04/02/2010	15.720	15.720	317	317	316,680	99,9%	
1.18	Đường Đắk Mắm đi đôn 7 (759) - Tỉnh lộ 3 (Tiểu dự án đoạn Km0+900-Km20+00)	Sở Giao thông vận tải			352/QĐ-UBND ngày 11/3/2009; 954/QĐ-UBND ngày 02/7/2010	62.953	16.117	3.200	3.200	3.200,000	100,0%	
1.19	Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk Hà	UBND huyện Đắk Glong	Đắk Glong		1109/QĐ-UBND ngày 30/8/2007; 222/QĐ-UBND ngày 5/02/2010; 912/QĐ-UBND ngày 04/7/2011; 2199/QĐ-UBND ngày 12/12/2012	133.086	53.238	12.000	12.000	12.000,000	100,0%	
1.20	Đường giao thông liên xã Quảng Khê - Đắk R'Màng, huyện Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	Đắk Glong		975/QĐ-UBND ngày 6/10/2004; 51/QĐ-CTUBND, 1201/2007; 972/QĐ-UBND ngày 23/6/2009	34.515	14.653	341	341	341,000	100,0%	
<i>f</i>	<i>Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác</i>					437.640	202.575	71.936	71.936			
1.21	Phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực Miền Trung - tiểu dự án Đắk Nông	Công ty Cổ phần cấp nước và Phát triển đô thị tỉnh Đắk Nông			1571/QĐ-UBND ngày 20/10/2011	306.305	71.240	16.000	16.000	15.999,999	100,0%	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2023	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: thù hồi ứng trước			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
1.22	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư 23ha thuộc quy hoạch Đông Nam, thị xã Gia Nghĩa	Sở Xây dựng	Gia Nghĩa		1243/QĐ-UBND ngày 18/9/2008; 1236/QĐ-UBND ngày 07/9/2011; 663/QĐ-UBND ngày 19/4/2017	72.555	72.555	29.366	29.366	29.365.893	100,0%	
1.23	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 và số 4, Sùng Đức, thị xã Gia Nghĩa	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		1760/QĐ-UBND ngày 06/11/2008	58.780	58.780	26.570	26.570	19.423.000	73,1%	
	<i>Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: xây dựng khu tái định cư số 4 Sùng Đức</i>			2009	1275/QĐ-UBND ngày 19/8/2009	4.632	4.632	4.632	4.632		0,0%	
	<i>Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình: xây dựng khu tái định cư số 4 Sùng Đức (lợt 3)</i>			2009	487/QĐ-UBND ngày 15/9/2009	2.515	2.525	2.515	2.515		0,0%	
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					1.218.745	1.124.912	75.290	6.840			
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>					343.745	334.912	36.950	-			
2.1	Các trục đường khu trung tâm Hành chính huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2019-2022	780/QĐ-UBND ngày 11/5/2017	83.077	83.077	7.000		628.247	9,0%	
2.2	Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân Cơ - Nhân Đạo	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2019-2022	1724/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	85.005	85.005	10.000		458.940	4,6%	
2.3	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2019-2022	1721/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	81.830	81.830	10.000		1.040.284	10,4%	
2.4	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2019-2022	1749/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	93.833	85.000	9.950		7.485.7950	75,2%	
<i>b</i>	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản</i>					875.000	790.000	38.340	6.840			
2.5	Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2018-2022	1682/QĐ-UBND ngày 19/10/2017; 404/QĐ-UBND ngày 26/3/2018; 870/QĐ-UBND ngày 08/6/2018; 1294/QĐ-UBND ngày 24/8/2018	785.000	700.000	31.500		3.367.227	10,7%	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: thu hồi ứng trước			
2.6	Công trình thủy lợi suối đá xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đắk Glong	2018-2022	988/QĐ-UBND ngày 12/6/2017; 1993/QĐ-UBND ngày 10/12/2019; 1975/QĐ-UBND ngày 29/12/2020; 553/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; 1496/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	90.000	90.000	6.840	6.840	6.840.000	100,0%	
3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022					2.717.059	2.065.484	63.421	-			
a	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					562.968	110.000	3.200	-			
3.1	Trường Cao đẳng Công đồng tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2015-2022	1721/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 463/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; 1439/QĐ-UBND ngày 01/9/2017; 1078/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	562.968	110.000	3.200		299.166	9,3%	
b	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản					81.000	81.000	15.000	-			
3.2	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk lao	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mĩ	Đắk Mĩ	2020-2024	1750/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	81.000	81.000	15.000		4.337.50800	28,9%	
c	Khu công nghiệp và khu kinh tế					1.658.088	1.540.088	221	-			
3.3	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Đắk R'láp	2016-2025	1420/QĐ-UBND ngày 21/9/2015	1.658.088	1.540.088	221		218.683	99,0%	
d	Giao thông					370.054	292.000	35.000	-			
3.4	Đường Bờ Tây, Hồ Trung tâm	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2020-2023	1720/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	198.054	120.000	10.000		6.432.109	64,3%	
3.5	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jut	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jut	Cư Jut	2020-2023	1653/QĐ-UBND ngày 18/10/2018	90.000	90.000	10.000		10.000,00	100,0%	
3.6	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'Trung	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2020-2023	1801a/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	82.000	82.000	15.000		11.544.909	77,0%	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: thu hồi kmg trước			
e	Xã hội											
3.7	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2022	85/HĐND-VP-28/3/2017; 249/QĐ-UBND ngày 26/02/2019; 2055/QĐ-UBND ngày 19/12/2019	44.949	42.396	10.000	-	9.485,727	94,9%	
4	Đổi ứng cho các dự án ODA					1.014.564	192.443	25.000	-			
4.1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông		2019-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/7/2016	559.974	63.996	10.000		9.977,389	99,8%	
4.2	Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2015-2022	1992/QĐ-BNN-29/5/2015; 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020	327.590	110.447	10.000		9.973,957	99,7%	
4.3	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2022-2027	279/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 1914/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	127.000	18.000	5.000		1.596,696	31,9%	
5	Chuẩn bị đầu tư					1.304.125	1.304.125	67.719	-			
a	Thế dục, thể thao					160.000	160.000	2.000				
5.1	Nhà thi đấu tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2025	104/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 157/NQ-HĐND ngày 20/8/2021	160.000	160.000	2.000		527.750	26,4%	
b	Các hoạt động kinh tế					1.144.125	1.144.125	65.719	-			
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản					377.125	377.125	5.000				
5.2	Hồ chứa nước Đắk Na, tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn			106/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 152/NQ-HĐND ngày 20/8/2021	288.000	288.000	2.000			0,0%	
5.3	Hồ số 38, tỉnh Đắk Nông	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT		2022-2025	107/NQ-HĐND ngày 11/5/2021	89.125	89.125	3.000		2.590.807	86,4%	
	Giao thông					367.000	367.000	4.700	-			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: thu hồi ứng trước			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
5.4	Đường ven hồ Đắc R'Lon thị trấn Đưc An đi xã Nam Bình huyện Đắc Song	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắc Song	Đắc Song		71/NQ-HĐND ngày 11/5/2021	82.000	82.000	700		0,0%		
5.5	Đường Lê Duẩn nối đường Võ Văn Kiệt, thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		92/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 153/NQ-HĐND ngày 20/8/2021	200.000	200.000	2.000	358.658	17,9%		
5.6	Đường Tôn Đức Thắng nối 2 trục Bắc Nam	Ban QLDA và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2025	91/NQ-HĐND ngày 11/5/2021	85.000	85.000	2.000		0,0%		
	<i>Công trình công cộng tại các đô thị</i>					400.000	400.000	56.019				
5.7	Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắc Nông	Gia Nghĩa	2022-2025	53/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 158/NQ-HĐND ngày 20/8/2021	400.000	400.000	56.019	3.518,59	6,3%		
6	Các dự án trọng điểm, liên kết vùng					1.583.000	1.500.000	378.000	-			
6.1	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2)	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp		2022-2025	1147/QĐ-UBND ngày 30/7/2015; 2076/QĐ-UBND ngày 22/12/2015; 858/QĐ-UBND ngày 24/5/2017; 2064/QĐ-UBND ngày 28/12/2017; 1145/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	830.000	750.000	190.000	14.504,439	7,6%		
6.2	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắc Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắc Nông	Gia Nghĩa		52/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 372/QĐ-SXD ngày 25/12/2020; 2281/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	753.000	750.000	188.000	3.840,983	2,0%		
7	Các dự án khởi công mới năm 2022					2.172.000	2.172.000	345.166	-			
a	<i>Phát thành, truyền hình, thông tin</i>					74.000	74.000	20.000	-			
7.1	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắc Nông (giai đoạn 2)	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2025	51/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 1788/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	74.000	74.000	20.000	17.564,790	87,8%		
b	<i>Các hoạt động kinh tế</i>					2.098.000	2.098.000	325.166				

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: thu hồi ứng trước			
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản											
7.2	Hồ Đắk R'lan, xã Đắk R'Th, huyện Tuy Đức	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2025	30/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2360/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	110.000	110.000	20.000	20.000	1.772,109	8,9%	
	Giao thông											
7.3	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 2	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Đắk Song-Đắk Mĩl	2022-2025	54/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 1993/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	300.000	300.000	62.000	62.000	49.341,640	79,6%	
7.4	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Đắk Mĩl-Krông Nô	2022-2025	55/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 1990/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	300.000	300.000	45.306	45.306	43.501,268	96,0%	
7.5	Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 5	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	Đắk R'lấp	2022-2025	56/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 1996/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	190.000	190.000	30.000	30.000	10.433,622	34,8%	
7.6	Đường giao thông xã Đắk D'Rông đi xã Đắk W'li huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2022-2025	64/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2004/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	90.000	90.000	15.000	15.000	14.785,600	98,6%	
7.7	Các trục đường khu Trung tâm Văn hóa - Thương mại huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2025	63/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 1894/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	95.000	95.000	15.000	15.000	3.683,088	24,6%	
7.8	Đường giao thông liên xã Đắk Plao - Đắk R'Mãng - Đắk Som	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2025	59/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2229/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	110.000	110.000	15.000	15.000	5.284,135	35,2%	
7.9	Đường giao thông phát triển đô thị môn thi trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2025	22/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2052/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	80.000	80.000	15.000	15.000	373,503	2,5%	
7.10	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2025	33/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2182/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	100.000	100.000	15.000	15.000	14.959,779	99,7%	
7.11	Đường giao thông từ thị trấn Đắk Mâm đi xã Năm Nung và xã Năm N'Dư, huyện Krông Nô (ĐH57)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2025	21/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 1999/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	80.000	80.000	15.000	15.000	15.000,000	100,0%	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022		Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022	Tỷ lệ giải ngân	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Tổng số	Trong đó: ttu hồi ứng trước			
7.12	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi xã Trường Xuân và xã Năm N'Jang huyện Đắk Song	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2025	72/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2273/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	83.000	83.000	1.311		1.281,369	97,7%	
7.13	Đường giao thông liên xã Năm N'Jang - Trường Xuân - Đắk N'Drung huyện Đắk Song	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2025	73/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2274/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	85.000	85.000	1.549		1.486,044	95,9%	
7.14	Đường giao thông xã Đức Minh đi xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mĩ (DHL6)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mĩ	Đắk Mĩ	2022-2025	80/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2226/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; 2358/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	81.000	81.000	15.000		12.815,658	85,4%	
7.15	Đường từ quốc lộ 14 qua trung tâm hành chính mới đi tỉnh lộ 683	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mĩ	Đắk Mĩ	2022-2025	81/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2361/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	110.000	110.000	15.000		977,311	6,5%	
7.16	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đắk R'lấp	Ban QLDA và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2025	40/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2246/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	98.000	98.000	15.000		1.609,500	10,7%	
7.17	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã đoạn đi qua khu Trung tâm đô thị Nam Dong; Hàng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2022-2025	65/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2386/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	100.000	100.000	15.000		14.999,998	100,0%	
7.18	Đường giao thông từ tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiến Đức qua các xã Kiến Thành - Đắk Wer - Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	Ban QLDA và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2025	37/NQ-HĐND ngày 11/5/2021; 2362/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	86.000	86.000	15.000		600,806	4,0%	

STT	Đanh mục dự án	Chưa đầu tư	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Kế hoạch năm 2022			Tỷ lệ giải ngân	Chí chủ	
				TMDT										Trong đó					Kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2022
				Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tinh bằng nguyên tệ	Trong đó:			Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)	Vay lại			
				Tổng số	NSTW	NSDP	Các nguồn khác	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
NSTW	NSDP																		
-	Năng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn Huyện Cư M'gar tỉnh Đắk Nông		662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019.	216.653	44.601	44.601		172.052	137.642	34.410		16.480	16.480	4.120	0,0%				
-	Năng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn Huyện Đắk M'lar tỉnh Đắk Nông		663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019	300.062	60.937	60.937		239.124	191.300	47.825		32.320	32.320	8.080	0,0%				
2	Giao thông			568.858	79.996	16.000	22,0	488.862	391.090	97.772		105.250	105.250	26.313					
2.1	Đanh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			568.858	79.996	16.000	22,0	488.862	391.090	97.772		105.250	105.250	26.313					
2.1.1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 16/2/2017	568.858	79.996	16.000	22,0	488.862	391.090	97.772		105.250	105.250	26.313	42,4%	44.634			
II	Thông báo sau											0	0	2.173					
B	VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TẠI CHÍNH TRONG NƯỚC											13.322	13.322						
I	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp phụ mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp & Phát triển NT	740/QĐ-TTg ngày 20/5/2020; 729/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 1914/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	126.995	18.386	18.000	386	108.609	108.609			13.322	13.322	0	0,0%	0			

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 12 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn
ngân sách nhà nước năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương
ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Xét Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022
và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
nhà nước năm 2023, với các nội dung sau:**

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023:
3.473.163 triệu đồng, bao gồm:

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương 1.423.543 triệu
đồng, gồm:

- Nguồn thu sử dụng đất là 735.400 triệu đồng (*không bao gồm chi
100.000 triệu đồng cho dự án Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn
Thành (Bình Phước)*);

- Nguồn thu xổ số kiến thiết là 27.000 triệu đồng;

- Nguồn cân đối ngân sách địa phương là 463.943 triệu đồng;

- Nguồn bội chi ngân sách địa phương là 47.200 triệu đồng;

- Nguồn bổ sung từ nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-
2025, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách hằng năm và các nguồn vốn hợp
pháp khác là 150.000 triệu đồng (*trong đó: 100.000 triệu đồng cho dự án Đường
cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước) từ nguồn sử dụng đất*).

b) Nguồn ngân sách trung ương là 2.049.620 triệu đồng, gồm:

- Vốn trong nước là 1.923.890 triệu đồng (bao gồm: Nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo tiêu chí, định mức là 1.115.600 triệu đồng; Thực hiện Chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế là 262.000 triệu đồng; Thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 546.290 triệu đồng).

- Vốn nước ngoài là 125.730 triệu đồng.

2. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 chi tiết tại các Phụ lục số I, II, III, IV, V kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2023 có hiệu quả, đúng quy định pháp luật, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2023.

2. Đối với Nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại để thực hiện các dự án ODA, giao Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết cho các dự án theo quy định, đảm bảo tỷ lệ phù hợp với nguồn vốn ODA cấp phát.

3. Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trong năm kế hoạch có bổ sung vốn đầu tư thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định giao vốn cho từng công trình, dự án cụ thể, đồng thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

4. Khi phân khai vốn “thông báo sau” đến từng dự án, công trình; điều chuyển vốn đầu tư trong năm kế hoạch đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đúng danh mục tại Nghị quyết này.

5. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Nông Khoá IV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu – UBNDQH;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo Đắk Nông;
- Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

Phụ lục I
TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3.473.163	
I	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.423.543	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư từ nguồn sử dụng đất	735.400	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	27.000	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	463.943	
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	47.200	
-	Nguồn bổ sung từ nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, nguồn tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác	150.000	Trong đó bao gồm 100.000 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất để đầu tư Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)
II	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.049.620	
1	Vốn trong nước	1.923.890	
	<i>Bao gồm:</i>		
-	<i>Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu</i>	<i>1.115.600</i>	
-	<i>Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>546.290</i>	
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	265.221	
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	162.989	
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	118.080	
-	<i>Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	<i>262.000</i>	
2	Vốn nước ngoài	125.730	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
						Tổng số	NSDP			
1	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường Phổ thông DTNT THCS & THPT huyện Tuy Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tuy Đức	2021-2023	302/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	7.000	2.000	
2	Cải tạo cơ sở 2 Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông	Trường Cao đẳng công đồng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	328/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	7.500	7.500	6.800	477	220/QĐ-STC ngày 03/11/2022
3	Trường THPT Đắk Glong (giai đoạn 3), hạng mục: 08 phòng học bộ môn cùng trang thiết bị kèm theo; Khu thể dục thể chất và hệ thống tường rào xung quanh	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	331/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	10.000	10.000	6.500	2.000	
I.2	Y tế, dân số và gia đình									
1	Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp	Sở Y tế	Đắk R'lấp	2021-2023	1904/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	33.991	33.991	18.200	5.523	
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					67.300	67.300	12.642	17.000	
II.1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									
1	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, cải tạo khối phòng học 02 tầng thành nhà thư viện, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lê Duẩn, huyện Đắk Glong	Sở Giáo dục và Đào tạo	Đắk Glong	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	10.000	10.000	2.342	3.000	
2	Xây dựng Hội trường, bê bởi Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2352/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	10.000	2.000	3.000	
II.2	Y tế, dân số và gia đình									
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Song	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song	2022-2024	2313/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	30.300	30.300	3.300	6.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Glong	Sở Y tế	Đắk Glong	2022-2024	1930/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	5.000	5.000	1.500	1.500	
II.3	Xa hội									
1	Xây dựng Nhà đa chức năng, nhà bảo vệ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đắk Nông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Gia Nghĩa	2022-2024	2119/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	12.000	12.000	3.500	3.500	
C	NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)								463.943	
I	Phân cấp cho cấp huyện (30%)								139.183	
1	Huyện Cư lút								17.346	
2	Huyện Krông Nô								14.854	
3	Huyện Đắk Glong								21.132	
4	Huyện Đắk Mil								16.174	
5	Huyện Đắk Song								14.389	
6	Huyện Tuy Đức								20.181	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số			
4.1	Sửa chữa cục bộ một số hạng mục thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2017-2021	166/QĐ-SXD ngày 31/10/2016; 49/QĐ-SXD ngày 19/4/2017; 164/QĐ-SXD ngày 05/9/2018	8.572	645	645	23/QĐ-STC ngày 22/02/2022
4.2	Sửa chữa Bệnh viện đa khoa tỉnh phục vụ Đề án Bệnh viện vệ tinh	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2018-2021	298/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	4.763	42	42	Số 22/QĐ-STC ngày 22/02/2022
4.3	Trung tâm Y tế huyện Tuy Đức	Sở Y tế	Tuy Đức	2013-2015	1726/QĐ-UBND ngày 13/11/2009; 1423/QĐ-UBND ngày 31/10/2012	17.526	878	878	223/QĐ-STC ngày 31/12/2021
4.4	Trung tâm Y tế huyện Krông Nô	Sở Y tế	Krông Nô	2009-2012	1725/QĐ-UBND ngày 13/11/2009	10.977	422	422	53/QĐ-STC ngày 28/03/2022
4.5	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 28 Trạm Y tế (ngoài các trạm y tế đã được đầu tư năm 2017)	Sở Y tế	28 Trạm Y tế	2019-2020	206/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	5.592	44	44	58/QĐ-STC ngày 31/3/2022
5	Phát thanh, truyền hình, thông tin								
5.1	Nhà bao che đặt máy phát sóng xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Krông Nô	2013-2016	41/QĐ-SKH, 22/3/2013; 49/QĐ-SXD 20/4/2016	3.937	464	464	186/QĐ-STC ngày 10/12/2021
6	Thể dục, thể thao								
6.1	Nhà luyện tập và thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2006-2010	197/QĐ-SKH, ngày 22/11/2005; 110/QĐ-SKH, ngày 4/8/2008	9.231	371	371	222/QĐ-STC ngày 31/12/2021
7	Các hoạt động kinh tế								
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>								
7.1	Hồ Đồi 3, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh	Đắk Mil	2021	424/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	9.439	35	35	134/QĐ-STC ngày 26/7/2022
7.2	Hồ Lâm Trường (thôn 5), xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh	Đắk Glong	2021	425/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000	25	25	138/QĐ-STC ngày 26/7/2022
7.3	Hồ Đắk Xá, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh	Đắk R'lấp	2021	418/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000	352	352	163/QĐ-STC ngày 15/8/2022
7.4	Hồ Sinh Muồng, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh	Đắk Song	2021	417/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000	400	400	185/QĐ-STC ngày 10/12/2021
7.5	Hồ Đắk Pruh, xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh	Đắk Glong	2021	426/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	5.000	25	25	167/QĐ-STC ngày 23/8/2022
7.6	<i>Giao thông</i> Đường QL14C nối trung tâm hành chính huyện Tuy Đức	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2019-2021	2413/QĐ-SGTVT, ngày 29/10/2018	15.000	1.214	1.214	198/QĐ-STC ngày 21/12/2021
7.7	Nâng cấp đường Giao thông liên xã Đắk R'Mông - Quảng Hòa.	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2019-2021	1726/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	28.000	1.593	1.593	202/QĐ-STC ngày 22/12/2021

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số	NSDP			
7.8	Đoạn đường 23 tháng 3 đến đường vào trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai và đoạn đường từ trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Cao Thắng	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2015-2017	241/QĐ-SKH ngày 31/10/2014	10.656		57	136/QĐ-STC ngày 12/10/2021	
8	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>									
8.1	Trụ sở làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	Gia Nghĩa		574/QĐ-UBND, ngày 26/4/2013	26.394		1.042	40/QĐ-STC ngày 10/3/2022	
8.2	Trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông; hạng mục bổ sung: Phòng họp, phòng làm việc, gara xe	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2008	121/QĐ-SKH, ngày 13/8/2008	923		56	220/QĐ-STC ngày 31/12/2021	
8.3	Trụ sở làm việc Khối Mặt trận và các Đoàn thể huyện Tuy Đức	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2010-2012	1752/QĐ-UBND, ngày 21/11/2007	15.369		154	101/QĐ-STC ngày 27/8/2020	
8.4	Trụ sở làm việc HĐND-UBND thị xã Gia Nghĩa (HM: Trang thiết bị (bàn ghế, đồ gỗ, máy vi tính, máy in, thiết bị điện khác và rèm màn)	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2013-2015	1767/QĐ-UBND ngày 10/10/2013	4.442		65	1788/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	
II.2	Các dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2022					115.000	114.000	30.000	15.600	
I	<i>Khoa học, công nghệ</i>									
1.1	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Đắk Nông	2019-2021	1719/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35.000		17.550	7.000	
2	<i>Các hoạt động kinh tế</i>									
	<i>Giao thông</i>									
2.1	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho hộ gia đình bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2019-2021	1721/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	21.000	20.000	10.000	7.000	
	<i>Quy hoạch</i>									
2.2	Lập nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đắk Nông	2020-2022	1717/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; 964/QĐ-TTg ngày 07/7/2020; 1575/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	59.000	59.000	29.000	15.000	
II.3	Đổi ứng ODA					1.653.322	209.173	119.499	10.324	
I	<i>Các hoạt động kinh tế</i>									
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>									
1.1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT), tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đắk Nông	2015-2022	1992/QĐ-BNN ngày 29/5/2015; 2470/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/6/2020	327.590	52.970	21.000	5.892	
1.2	Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Đắk Nông	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/04/2015; 1679/QĐ-UBND ngày 08/10/2021	240.159	22.669	2.108	1.608	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
						TMDT	NSDP			
1.3	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Nông	2017-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017; 419/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	568.858	27.996	11.996	5.000	
1.4	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh								
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông		Huyện Cư Jút	2018-2024	1074/QĐ-UBND ngày 11/7/2018; 662/QĐ-UBND ngày 09/5/2019	216.653	44.601	37.622	2.000	
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông		Huyện Đắk Mil	2018-2024	1073/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 663/QĐ-UBND ngày 09/5/2019	300.062	60.937	46.773	2.000	
II.4	Đổi ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					755.120	52.000	52.000	15.000	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					755.120	52.000	52.000	15.000	
II.5	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023					937.585	925.013	824.197	157.451	
I	Quốc phòng									
1.1	Đầu tư xây dựng Nhà kho pháo (Công trình cấp bách)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Song	2021-2023	330/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	4.500	4.500	4.500	1.500	
1.2	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Mil	2021-2023	1836/QĐ-BTL ngày 14/12/2020	6.709	6.709	6.709	3.000	
1.3	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Mil	2021-2023	1837/QĐ-BTL, ngày 14/12/2020	6.661	6.661	6.661	2.500	
1.4	Thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, hạng mục: San lấp mặt bằng, kê ốp mái taluy, công thoát nước	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Krông Nô	2021-2023	343/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.200	3.200	3.200	700	
1.5	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Đắk Mil. Hạng mục: Nhà hội trường.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Mil	2021-2023	340/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.700	3.700	3.700	700	
1.6	Doanh trại đBB301/eBB994/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh. Hạng mục: Nhà hội trường	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đắk Glong	2021-2023	346/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	8.700	8.700	8.700	1.500	
1.7	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Dang (769)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Tuy Đức	2021-2023	2411/QĐ-SGTVT ngày 11/11/2020	10.000	10.000	10.000	1.000	
1.8	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	293/QĐ-SXD ngày 18/11/2020	7.000	7.000	7.000	400	
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội									
2.1	Sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở doanh trại và nhà làm việc nghiệp vụ cảnh sát	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	317/QĐ-SXD ngày 09/12/2020	14.500	14.500	13.050	3.000	
2.2	Sửa chữa, cải tạo hệ thống mương thu nước Công an tỉnh	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	311/QĐ-SXD ngày 08/12/2020	2.500	2.500	2.500	500	
2.3	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và xây dựng Trại tam giác của Công an tỉnh	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	310/QĐ-SXD ngày 08/12/2020	3.000	3.000	3.000	500	
2.4	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Phòng Cảnh sát cơ động (trụ sở làm việc Công an thành phố Gia Nghĩa cũ)	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	292/QĐ-SXD ngày 24/11/2020	2.400	2.400	2.400	500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
						TMDT	NSDP			
2.5	Sửa chữa, nâng cấp Trường bán của Công an tỉnh	Công an tỉnh	Đắk Song	2021-2023	296/QĐ-SXD ngày 01/12/2020	3.347	3.347	2.174	500	
3	Văn hóa, thông tin									
3.1	Chống xuống cấp tu bổ di tích địa điểm lưu niệm N'Trang Gur, xã Buôn Choaoh, huyện Krông Nô; hạng mục: Nhà Bia tưởng niệm và hạ tầng kỹ thuật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Krông Nô	2021-2023	376/QĐ-SXD ngày 28/12/2020	3.000	3.000	2.300	300	
3.2	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Krông Nô	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	2991/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	6.000	6.000	4.000	2.000	
4	Phát triển, truyền hình, thông tin									
4.1	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, phát sóng chương trình phát thanh, hệ thống thiết bị và phần mềm truyền thông hội tụ	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	2004/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	24.700	24.700	10.615	5.000	
5	Các hoạt động kinh tế									
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									
5.1	Dự án Xây dựng 10 trạm quản lý bảo vệ rừng tại các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đắk Nông	2021-2023	367/QĐ-SXD ngày 22/12/2020	14.999	14.999	3.250	5.000	
5.2	Công, hàng rào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2021-2023	324/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	6.197	6.197	5.088	500	
b	Giao thông									
5.3	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn 5 tầng, xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'nia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil; Cư Jút	2021-2023	1762/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	79.000	79.000	20.130	12.000	
5.4	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2021-2023	1827/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	77.000	77.000	27.993	10.000	
5.5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	1851/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	70.000	70.000	21.000	8.000	
5.6	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Ha	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	2642/QĐ-SGTVT ngày 08/12/2020	14.181	14.181	8.000	2.500	
5.7	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2021-2023	2700/QĐ-SGTVT ngày 11/12/2020	14.000	14.000	7.900	2.500	
5.8	Đường giao thông liên xã Quảng Tin - Đắk Ngo huyện Tuy Đức	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2021-2023	1732/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	30.000	30.000	10.202	5.000	
5.9	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác, thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2021-2023	1862/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	40.000	38.400	16.300	5.000	
5.10	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (DH65)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1746/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20.000	19.700	10.100	3.000	
5.11	Đường từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (DH 59)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	1715/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	20.000	20.000	10.300	3.071	
5.12	Đường giao thông xã Nam Dong đi Đắk Drông - Đắk Wil	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1816/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	58.000	58.000	22.800	8.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
						TMBT					
						Tổng số	NSDP				
5.13	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã tư Phan Chu Trinh và xã Nam Dong, hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1866/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	50.000	50.000	45.000	16.000	8.000	
5.14	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tâm Thắng - Ea Ting; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2023	1902/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	30.000	30.000	27.000	12.300	6.000	
5.15	Đường giao thông từ cửa khẩu Đăk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ (ĐT.683) xã Đức Minh, huyện Đăk Mil (giai đoạn I)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đăk Mil	Đăk Mil	2021-2023	1864/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	36.000	32.000	28.800	15.200	5.000	
5.16	Đường giao thông liên xã Đăk R'La đi xã Đăk N'Drót, huyện Đăk Mil	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đăk Mil	Đăk Mil	2021-2023	1850/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	49.407	45.432	40.889	18.000	7.000	
5.17	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đăk Song	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đăk Song	Đăk Song	2021-2023	1853/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	42.000	42.000	33.300	17.000	7.000	
5.18	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đăk N'drưng - Thuận Hà	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đăk Song	Đăk Song	2021-2023	2455/QĐ-SGTVT ngày 16/11/2020	13.500	13.033	11.730	7.817	4.600	
5.19	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TD); HM: Xây dựng mới cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4,5Km đường.	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	2535/QĐ-SGTVT ngày 25/11/2020	14.950	14.950	13.455	7.196	2.700	
5.20	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đăk R'Tih và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đăk Wer, huyện Đăk R'Lấp.	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1815/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	22.000	21.670	19.503	9.200	5.000	
5.21	Tuyến đường giao thông liên xã Đăk R'tih đi xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đăk R'lấp đầu nối với đường vào xã Đăk Ngo).	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	1856a/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	25.000	24.000	21.600	9.250	6.000	
6	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>										
6.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Xây dựng tỉnh Đăk Nông	Sở Xây dựng	Gia Nghĩa	2021-2023	273/QĐ-SXD ngày 06/11/2020	3.000	3.000	3.000	2.750	217	187/QĐ-STC ngày 21/10/2022
6.2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2021-2023	326/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	4.500	4.500	4.500	3.800	580	99/QĐ-STC ngày 30/5/2022
6.3	Hội trường đa năng và phòng họp trực tuyến thuộc trụ sở làm việc HĐND-UBND thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2023	301/QĐ-SXD ngày 02/12/2020	14.998	14.998	13.498	9.900	1.800	
6.4	Xây dựng Trụ sở và kho lưu trữ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Gia Nghĩa	2021-2023	1854/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	27.688	27.688	24.919	10.000	6.000	
6.5	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đăk Som	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đăk Glong	Đăk Glong	2021-2023	325/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.500	14.500	13.050	7.235	3.000	
6.6	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đăk Ru	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đăk R'lấp	Đăk R'lấp	2021-2023	327/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.048	14.048	12.643	7.250	3.000	
6.7	Trụ sở HĐND&UBND xã Đăk Nang	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2021-2023	294/QĐ-SXD ngày 25/11/2020	14.700	13.800	12.420	7.200	3.000	

STT	Danh mục dự án	Chức đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số	NSDP			
6.8	Trụ sở làm việc HEND-UBND xã Đắk R'Tiê; Hàng mục: Xây mới Nhà làm việc tổ một cửa, Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc công an xã, Nhà xe, nhà vệ sinh, Hệ tăng kỹ thuật và Trang thiết bị	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2021-2023	298/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	8.000	8.000	7.016	383	176/QĐ-STC ngày 09/8/2022
II.6	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					764.875	756.437	168.716	103.900	
I	Quốc phòng									
1.1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	342/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	3.000	3.000	1.631	500	
1.3	Nâng cấp, cải tạo Sở Chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	1735/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.000	5.000	2.500	700	
1.4	Cải tạo, nâng cấp Trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu Bu Prăng/Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Tuy Đức	2022-2024	2038/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	7.000	7.000	2.000	1.000	
1.5	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Mбай (757) và đường vào Đồn Biên phòng Đắk Lao (759)	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Đắk Mil	2022-2024	1481/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	10.000	10.000	2.000	1.500	
1.6	Trình sát độc nhiệm	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2093/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	2.000	1.500	
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội									
2.1	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thu thoát nước khu tạm giữ và xây dựng nhà ở doanh trại công an huyện Đắk Song	Công an tỉnh	Đắk Song	2022-2024	1736/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.500	5.500	1.500	1.000	
2.2	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà tạm giữ của Công an huyện Đắk Mil và Đắk R'Lấp	Công an tỉnh	Đắk Mil, Đắk R'Lấp	2022-2024	1931/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3.000	3.000	1.131	700	
2.3	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Ban Giám đốc và khối trực thuộc Công an tỉnh	Công an tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	1738/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	3.000	3.000	1.131	700	
2.4	Sửa chữa, cải tạo hệ thống thu thoát nước khu tạm giữ và xây dựng nhà ở doanh trại công an huyện Tuy Đức	Công an tỉnh	Tuy Đức	2022-2024	1737/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	5.500	5.500	1.500	1.000	
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp									
3.1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng cơ sở 2 - Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông	Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	52/QĐ-SXD ngày 29/4/2022	13.000	13.000	5.000	1.000	
4	Khoa học, công nghệ									
4.1	Xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số và đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông	Sở Thông tin và Truyền thông	Gia Nghĩa	2022-2024	2366/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	57.000	57.000	7.000	6.000	
4.2	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ Nông	Sở Khoa học và Công nghệ	Gia Nghĩa	2022-2024	2404/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	12.000	12.000	2.000	2.000	
5	Văn hóa, thông tin									
5.1	Cải tạo nhà ngục Đắk Mil	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2095/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	9.700	1.500	
5.2	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV (1959-1975) tại Năm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn I	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2058/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	10.000	10.000	9.800	1.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
						Tổng số	TMDT				
5.3	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Đắk Song	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2050/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	5.000	5.000	4.900	1.700	1.000	
5.4	Điền đưng chân công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2098/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	6.000	6.000	5.900	3.200	700	
5.5	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông (tại Điểm số 8 (Núi lửa Nám Kar) và Điểm số 10 (cánh đồng lúa ven núi lửa))	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2201/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	8.485	8.485	7.985	3.856	1.000	
6	Thế đặc, thế thao										
6.1	Sửa chữa, cải tạo Nhà luyện tập và Thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	63/QĐ-SXD ngày 17/5/2022	6.000	6.000	6.000	3.500	500	
7	Các hoạt động kinh tế										
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>										
7.1	Hồ Đắk Ri 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2365/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.998	3.800	3.000	
	<i>Giao thông</i>										
7.2	Đường giao thông từ thôn M'rang đi bon M'ê Ra, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức thuộc dự án ổn định dân cư từ xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tuy Đức	2022-2024	1896/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	11.000	11.000	8.779	2.000	1.500	
7.3	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh huyện Đắk Song	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2053/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	12.600	12.600	10.049	2.000	4.000	
7.4	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1718/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	20.000	20.000	14.871	3.800	2.000	
7.5	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Nhân Đạo đi đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1895/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	14.979	14.979	13.453	4.000	2.500	
7.6	Đường giao thông trung tâm xã Nghĩa Thắng đi thôn Quảng Phước, xã Đạo Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	1975/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	30.000	30.000	21.051	6.400	3.500	
7.7	Đường giao thông từ huyện Tuy Đức đi huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông (đoạn từ cầu Đắk Loan đi cầu Đắk Nguyễn) - Trục D3	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1950/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	36.000	36.000	24.000	5.000	4.000	
7.8	Đường giao thông liên xã Đắk Ru - huyện Đắk R'lấp đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ Trung đoàn 720 đi ngã ba Trung Văn)	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	1949/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	16.250	16.250	12.833	3.000	2.500	
7.9	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	1863/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	25.000	25.000	16.500	1.447	3.500	
7.10	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (Từ quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 682)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2024	2203/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	18.000	18.000	14.284	3.000	3.000	
7.11	Nhựa hóa đường giao thông liên xã Đắk R'Măng - Quảng Hòa (Lý trình từ Km0+00 đến Km13+184)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2180/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	25.000	25.000	18.589	4.000	4.000	
7.12	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1763/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	30.000	24.562	19.000	4.700	3.500	
7.13	Đường giao thông từ xã Đắk Drô đi xã Tân Thành, huyện Krông Nô (DH66)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	1517/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	20.000	20.000	14.871	3.000	2.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
						Tổng số	NSDP				
7.14	Đường giao thông liên xã thị trấn EaT'ling-Trúc Sơn-Cư K'nia-Nam Dong	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Cư Jút	Krông Nô	2022-2024	2012/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	43.000	43.000	27.000	6.000	4.000	
7.15	Đường Lê Hồng Phong nối đường tránh thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	1898/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	35.000	35.000	22.000	4.500	3.000	
7.16	Nâng cấp đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tỉnh Đắk Nông	Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	Đắk Glong - Krông Nô	2022-2024	2284/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	18.000	18.000	14.284	4.700	2.000	
7.19	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Quảng Tín đi Đắk Sin (Đoạn từ Km208-QL14 đi Đắk Sin)	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2256/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	25.000	25.000	18.089	4.000	3.000	
8	<i>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</i>										
8.1	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Tuy Đức; Hạng mục: Nhà hội trường, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	2118/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	10.000	10.000	7.936	2.000	2.300	
8.2	Trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Tân Thành	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2024	2039/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	5.000	5.000	5.000	2.200	1.800	
8.3	Trụ sở làm việc Đảng ủy - Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Đắk N'Drưng	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	2054/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	8.000	8.000	6.349	3.000	3.000	
8.4	Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Đắk Nông	Thanh tra tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	2202/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	3.800	3.800	3.800	2.000	700	
8.5	Sửa chữa trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2022-2024	1168/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	5.000	5.000	5.000	3.000	1.000	
8.6	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Ha	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2024	2999/QĐ-SXD ngày 27/11/2020	14.500	14.500	11.382	3.350	1.500	
8.7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn 2: Đầu tư, phát triển phần mềm ứng dụng)	Văn phòng Tỉnh ủy	Đắk Nông	2022-2024	1854/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	9.994	9.994	10.000	2.945	1.500	
8.8	Nhà luyện tập và chạy chương trình Đoàn ca mùa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2022-2024	341/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	5.500	5.500	5.500	2.537	500	
8.9	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk M'li	Đắk M'li	2022-2024	2183/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	18.000	15.000	12.000	2.850	1.500	
8.10	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND & UBND xã Thuận Hà	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2022-2024	1976/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	8.000	8.000	6.349	2.000	3.500	
8.11	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk W'er	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	354/QĐ-SXD ngày 18/12/2020	14.990	14.990	11.948	4.050	1.500	
8.12	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Quảng Tân	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2024	355/QĐ-SXD ngày 21/12/2020	14.500	14.500	11.510	3.311	1.500	
8.14	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Quảng Tín	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2384/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.000	14.000	11.110	3.000	1.500	
8.15	Mở rộng Trụ sở làm việc Sở Y tế	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2022-2024	2094/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.906	2.906	2.906	2.000	300	
8.16	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đạo Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2024	2385/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.953	2.850	1.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		NSDP				
						Tổng số						
8.17	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa	Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2022-2024	2364/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	15.000	15.000	11.853	2.850	1.500		
8.18	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Nông	Văn phòng Tỉnh ủy	Gia Nghĩa	2022-2024	57/QĐ-SXD ngày 04/5/2022	3.500	3.500	3.500	2.400	500		
8.19	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắk Nông	Văn phòng Tỉnh ủy	Gia Nghĩa	2022-2024	58/QĐ-SXD ngày 10/5/2022	3.388	3.388	3.388	2.300	500		
8.20	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục thuộc dự án Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Đắk Nông	Văn phòng Tỉnh ủy	Gia Nghĩa	2022-2024	56/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	4.483	4.483	4.483	3.077	500		
8.21	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2024	714/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	15.000	15.000	15.000	6.000	2.000		
II.7	Khởi công mới năm 2023					14.293	14.293	14.293		4.900		
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội											
1.1	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên, hạ tầng kỹ thuật trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2023-2025	34/NQ-HĐND ngày 10/11/2022	4.993	4.993	4.993	-	1.500		
1.2	Sửa chữa, cải tạo và nâng cấp Trụ sở làm việc Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Gia Nghĩa	2023-2025	35/NQ-HĐND ngày 10/11/2022	4.500	4.500	4.500	-	1.500		
1.3	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông	Sở Tư pháp	Gia Nghĩa	2023-2025	36/NQ-HĐND ngày 10/11/2022	4.800	4.800	4.800	-	1.500		
2	<i>Giao thông</i>											
1.1	Nâng cấp đường giao thông từ xã Đạo Nghĩa huyện Đắk R'lấp đi xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	Ban QLDA và PT quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp		41/NQ-HĐND ngày 11/5/2021	14.990	14.990			400	chuyển bị đầu tư	
D	NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY											
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022											
I.1	Các hoạt động kinh tế											
	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>											
1.1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan điều phối)		2016-2022	3606/QĐ-BNN, ngày 04/9/2015; 3102/QĐ-BNN ngày ngày 21/7/2016	997.104	257.542	-	-	47.200		
						997.104	257.542	-	-	8.000		
						997.104	257.542	-	-	8.000		
						428.246	100.775	-	-	8.000		
1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 1074/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	428.246	100.775			8.000		
-	<i>Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Mút tỉnh Đắk Nông</i>			2018-2024		215.200	44.601			4.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Trung hạn giai đoạn 2021-2025	Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí đến	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
						Tổng số	TMDT NSDP				
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông			2018-2024	1073/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018; 663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174			4.000	
	Giao thông				1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017	568.858	27.996	-	-	-	
1.3	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiêu dự án tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		2017-2023		568.858	27.996				
II	Thông báo sau										
E	NGUỒN BỔ SUNG TỪ NGUỒN CÁN ĐỘI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025, NGUỒN TẶNG THU VÀ TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH HÀNG NĂM VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC					2.639.205	1.062.560	1.107.307	-	150.000	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi				1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021; 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022	1.136.614	31.859	37.859		9.407	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022; 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2023	502.591	30.701	30.701		11.247	
3	Trả nợ gốc các khoản địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài							44.747		8.500	
4	Hỗ trợ thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho lực lượng Công an xã Chính quy giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông							58.000		10.463	
5	Kinh phí hỗ trợ thực hiện GPMB cho dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh	Huyện Cư Lút	Cư Lút					8.300		8.300	
6	Xây dựng khu số 2 thuộc khu quy hoạch dân cư Sùng Đức 131,5ha	Trung tâm đo đạc và tư vấn Tài nguyên và Môi trường tỉnh	Gia Nghĩa					957		957	
7	Đường tránh đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Sở Giao thông vận tải	Gia Nghĩa					1.126		1.126	
8	Đường cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)					1.000.000	1.000.000	1.000.000		100.000	Từ nguồn sử dụng đất

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023				Ghi chú			
							TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Thu hồi các khoản vốn tăng trước		Trong đó:		Chuyển bị đầu tư
																		Thanh toán nợ XDCB	Thanh toán nợ XDCB	
	TỔNG CỘNG							7.014.836	6.204.261	2.339.458	2.300.158	4.812.363	118.540	0	1.115.600	16.110	0	3.000		
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022							358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0		
(1)	Các hoạt động kinh tế							358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0		
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản							358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540	0	16.110	16.110	0	0		
1.1	Dự án quy hoạch ổn định dân cư biên giới, xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2010-2014	664/QĐ-UBND, 19/5/2010, 1227/QĐ-UBND 27/9/2012;		358.687	358.687	337.680	337.680	118.540	118.540		16.110	16.110				
II	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023							951.835	866.835	816.504	816.504	119.000	0	0	36.463	36.463	0	0		
(1)	Các hoạt động kinh tế							951.835	866.835	816.504	816.504	119.000	0	0	36.463	36.463	0	0		
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản							785.000	700.000	690.043	690.043	50.000	0	0	9.957	9.957	0	0		
1.1	Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2018-2023	1682/QĐ-UBND 19/10/2017, 404/QĐ-UBND 26/3/2018, 870/QĐ-UBND 08/6/2018, 1294/QĐ-UBND 24/8/2018		785.000	700.000	690.043	690.043	50.000			9.957	9.957				
b	Giao thông							166.835	166.835	126.461	126.461	69.000	0	0	26.506	26.506	0	0		
1.1	Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân Cơ - Nhân Đạo	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2019-2023	1724/QĐ-UBND 31/10/2017		85.005	85.005	61.461	61.461	35.000			10.999	10.999				
1.2	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2019-2023	1721/QĐ-UBND 31/10/2017		81.830	81.830	65.000	65.000	34.000			15.507	15.507			bị hủy DT 7 tỷ	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Chú đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023				Chi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		Chi chú	
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XD/CB
III	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																		
(1)	Phát thanh, truyền hình, thông tin																		
3.1	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2025	51/NQ-HĐND 11/5/2021; 1788/QĐ-UBND 25/10/2021	74.000	74.000	20.000	74.000	0	74.000	0	0	20.000	20.000	0	0
(2)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp																		
3.1	Trường Cao đẳng Công đồng tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa		1721/QĐ-UBND 30/10/2013; 463/QĐ-UBND 28/3/2016; 1439/QĐ-UBND 01/9/2017; 1078/QĐ-UBND 24/7/2020	562.968	110.000	128.970	12.000	0	12.000	0	0	6.540	6.540	0	0
(3)	Các hoạt động kinh tế																		
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản																		
3.1	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk lao	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2021-2024	1750/QĐ-UBND 31/10/2017	81.000	81.000	30.950	81.000	0	81.000	0	0	30.000	30.000	0	0
3.2	Hồ Đắk R'tan, xã Đắk R'Thì, huyện Tuy Đức	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2022-2025	30/NQ-HĐND 11/5/2021; 2360/QĐ-UBND 31/12/2021	110.000	110.000	6.400	110.000	0	110.000	0	0	35.000	35.000	0	0
3.3	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - tỉnh Đắk Nông	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2022-2027	279/QĐ-UBND 24/5/2021; 1914/QĐ-UBND 10/11/2021	127.000	18.000	2.000	18.000	0	18.000	0	0	3.500	3.500	0	0
b	Giao thông																		
								2.187.272	2.109.218	521.877	1.971.698	0	1.971.698	0	0	509.987	509.987	0	0

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Chú đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2023			Ghi chú	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
3.1	Đường Bờ Tây, Hồ Trung tâm	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Gia Nghĩa	2021-2024	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	198.054	120.000	111.641	111.641	118.000	8.359	8.359	8.359				
3.2	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2021-2024	1653/QĐ-UBND 18/10/2018	90.000	90.000	59.000	59.000	88.000	20.000	20.000	20.000				
3.3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'drưng	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2021-2024	1801/QĐ-UBND 31/10/2019	82.000	82.000	18.518	18.518	80.000	15.000	15.000	15.000				
3.4	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 2	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Song-Đắk Mil	2022-2025	54/NQ-HĐND 11/5/2021; 1993/QĐ-UBND 18/11/2021	300.000	300.000	72.412	72.412	300.000	70.000	70.000	70.000				
3.5	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil-Krông Nô	2022-2025	55/NQ-HĐND 11/5/2021; 1990/QĐ-UBND 18/11/2021	300.000	300.000	45.306	45.306	245.698	79.000	79.000	79.000				
3.6	Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 5	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk R'lấp	2022-2025	56/NQ-HĐND 11/5/2021; 1996/QĐ-UBND 19/11/2021	190.000	190.000	30.000	30.000	170.000	47.628	47.628	47.628				
3.7	Đường giao thông xã Đắk Đ'ông đi xã Đắk Wil huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2022-2025	64/NQ-HĐND 11/5/2021; 2004/QĐ-UBND 19/11/2021	90.000	90.000	25.000	25.000	90.000	25.000	25.000	25.000				
3.8	Các trục đường khu Trung tâm Văn hóa - Thương mại huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong	2022-2025	63/NQ-HĐND 11/5/2021; 1894/QĐ-UBND 09/11/2021	95.000	95.000	15.000	15.000	95.000	25.000	25.000	25.000				
3.9	Đường giao thông phát triển đô thị mới thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô	2022-2025	22/NQ-HĐND 11/5/2021; 2052/QĐ-UBND 25/11/2021	80.000	80.000	8.700	8.700	80.000	25.000	25.000	25.000				
3.10	Đường giao thông xã Đức Minh đi xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (ĐH16)	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2022-2025	80/NQ-HĐND 11/5/2021; 2246/QĐ-UBND 15/12/2021	78.218	78.218	15.000	15.000	81.000	25.000	25.000	25.000				
3.11	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	2022-2025	40/NQ-HĐND 11/5/2021; 2246/QĐ-UBND 17/12/2021	98.000	98.000	15.000	15.000	98.000	30.000	30.000	30.000				

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Chú đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bổ trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023							
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn tăng trước	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư
3.12	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2022-2025	33/NQ-HĐND 11/5/2021; 2182/QĐ-UBND 09/12/2021	100.000	100.000	35.000	35.000	100.000	30.000	30.000							
3.13	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã đoạn đi qua khu Trung tâm đô thị Nam Dong, Hướng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút		2022-2025	65/NQ-HĐND 11/5/2021; 2386/QĐ-UBND 31/12/2021	100.000	100.000	25.000	25.000	90.000	20.000	20.000							
3.14	Đường giao thông liên xã Đắk Ploa - Đắk R'Mông - Đắk Som	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk Glong		2022-2025	59/NQ-HĐND 11/5/2021; 2229/QĐ-UBND 15/12/2021	110.000	110.000	5.300	5.300	90.000	25.000	25.000							
3.15	Đường giao thông từ thị trấn Đắk Mâm đi xã Năm Nung và xã Năm NĐir, huyện Krông Nô (ĐH57)	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô		2022-2025	21/NQ-HĐND 11/5/2021; 1999/QĐ-UBND 19/11/2021	80.000	80.000	25.000	25.000	80.000	25.000	25.000							
3.16	Đường từ quốc lộ 14 qua trung tâm hành chính mới đi tỉnh lộ 683	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil		2022-2025	81/NQ-HĐND 11/5/2021; 2361/QĐ-UBND 31/12/2021	110.000	110.000	1.000	1.000	90.000	30.000	30.000							
3.17	Đường giao thông từ tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiến Đức qua các xã Kiến Thành - Đắk Wer - Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp		2022-2025	37/NQ-HĐND 11/5/2021; 2362/QĐ-UBND 31/12/2021	86.000	86.000	15.000	15.000	76.000	10.000	10.000							
c	Công trình công cộng tại các đô thị							400.000	400.000	56.019	56.019	400.000	110.000	110.000	0	0	0				
3.1	Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		2022-2025	53/NQ-HĐND 11/5/2021; 158/NQ-HĐND 20/8/2021	400.000	400.000	56.019	56.019	400.000	110.000	110.000							
(4)	Xã Hội							44.949	42.396	31.000	31.000	44.000	5.000	5.000	0	0	0				
3.1	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa		2021-2024	85/HĐND-VP 28/3/2017; 249/QĐ-UBND 26/02/2019; 2055/QĐ-UBND 19/12/2019	44.949	42.396	31.000	31.000	44.000	5.000	5.000							
(5)	Các dự án trọng điểm, liên kết vùng							1.583.000	1.500.000	381.610	381.610	1.500.000	280.000	280.000	0	0	0				
a	Y tế							753.000	750.000	191.610	191.610	750.000	130.000	130.000	0	0	0				

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		Ghi chú			
														Thu hồi các khoản vốn iring trước	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn iring trước	Thanh toán nợ XDCB	Thuần bị đầu tư
3.1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2022-2025	52/NQ-HĐND 11/5/2021; 372/QĐ-SXD 25/12/2020; 2281/QĐ-UBND 22/12/2021	753.000	750.000	191.610	191.610	750.000	130.000	130.000	0	0	0	0	0
b	Giao thông							830.000	750.000	190.000	190.000	750.000	150.000	150.000	0	0	0	0	0
3.1	Đường Đèo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2)	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk R'lấp-Đắk Glong	2022-2025	1147/QĐ-UBND, 30/7/2015; 2076/QĐ-UBND, 22/12/2015; 858/QĐ-UBND 24/5/2017; 2064/QĐ-UBND 28/12/2017; 1145/QĐ-UBND 03/8/2021	830.000	750.000	190.000	190.000	750.000	150.000	150.000	0	0	0	0	0
IV	Chuẩn bị đầu tư							160.000	160.000	528	528	160.000	3.000	3.000	0	0	0	0	3.000
(1)	Thế dục, thế thao							160.000	160.000	528	528	160.000	3.000	3.000	0	0	0	0	3.000
4.1	Nhà thi đấu tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Gia Nghĩa	2023-2026	104/NQ-HĐND 11/5/2021; 157/NQ-HĐND 20/8/2021	374.125	374.125	5.920	5.920	204.125	60.000	60.000	0	0	0	0	0
V	Dự kiến khởi công mới năm 2023							374.125	374.125	5.920	5.920	204.125	60.000	60.000	0	0	0	0	0
(1)	Các hoạt động kinh tế							89.125	89.125	3.000	3.000	89.125	30.000	30.000	0	0	0	0	0
a	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi thủy sản							89.125	89.125	3.000	3.000	89.125	30.000	30.000	0	0	0	0	0
5.1	Hồ suối 38, tỉnh Đắk Nông	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Đắk Mil	2023-2026	107/NQ-HĐND 11/5/2021	285.000	285.000	2.920	2.920	115.000	30.000	30.000	0	0	0	0	0
b	Giao thông							85.000	85.000	920	920	85.000	15.000	15.000	0	0	0	0	0
5.1	Đường Tôn Đức Thắng nối 2 trục Bắc Nam	Ban quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2023-2026	91/NQ-HĐND 11/5/2021	200.000	200.000	2.000	2.000	30.000	15.000	15.000	0	0	0	0	0
5.2	Đường Lê Duẩn nối đường Võ Văn Kiệt, thành phố Gia Nghĩa	Ban quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2023-2026	92/NQ-HĐND 11/5/2021; 153/NQ-HĐND 20/8/2021	200.000	200.000	2.000	2.000	30.000	15.000	15.000	0	0	0	0	0

Phụ lục IV

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ,
DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/12/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năm lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	TỔNG CỘNG							262.000	262.000	262.000	60.000	
A	PHÒNG CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG, BỜ BIÊN, BẢO ĐẢM AN TOÀN HỒ CHỨA, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI							60.000	60.000	60.000	60.000	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023							60.000	60.000	60.000	60.000	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Thôn 2, Đắc Ngo, Xã Đắc Ngo, Hồ Số 2, Hồ Số 3, Thôn 2, Ea TLinh, Thôn 3B)		283	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắc Nông	Cư Jút, Đắc Glong, Đắc R'láp, Tuy Đức		2022-2023		60.000	60.000	60.000	
B	ĐẦU TƯ CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ, KẾT NỐI VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM							70.000	70.000	70.000	70.000	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023							70.000	70.000	70.000	70.000	

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1.1	Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	7964083	093	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Gia Nghĩa		2022-2023	22/NQ-HDND 17/6/2022; 1513/QĐ-UBND 08/9/2022	70.000	70.000	70.000	
C	ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ								132.000	132.000	132.000	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023								132.000	132.000	132.000	
1.1	Dự án Đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Đắk Nông		132	Sở Y tế	Gia Nghĩa		2022-2023		30.000	30.000	30.000	
1.2	Dự án đầu tư nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Đắk Nông		132	Sở Y tế	Toàn tỉnh		2022-2023		86.550	86.550	86.550	
1.3	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 09 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Đắk Nông		132	Sở Y tế			2022-2023		15.450	15.450	15.450	

Phụ lục V
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Lũy kế bố trí từ khởi công đến năm 2022				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023		
						TMDT					Vốn đối ứng					Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)					Trong đó		Trong đó	
						Tổng số tất cả các nguồn vốn	Vốn đối ứng		Tích băng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số các nguồn vốn	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài		Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài		Tổng số	Trong đó	
							Tổng số	NSTW		NSDP	Các nguồn khác		Đàn đảo	Đàn đảo NSTW	Tổng số	NSTW		NSDP	Các nguồn khác	Tổng số	NSTW		NSDP	Các nguồn khác
	TỔNG SỐ					1.687.067	480.641	279.035	201.606	70,2	1.290.131	1.110.124	180.007	88.953	54.000	34.953	440.132	354.770	85.362	938.852	938.852	145.230	125.730	19.500
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TẠI CHỖ TRONG NƯỚC					1.687.067	480.641	279.035	201.606	70,2	1.290.131	1.110.124	180.007	88.953	54.000	34.953	440.132	354.770	85.362	938.852	938.852	145.230	125.730	19.500
I	Các hoạt động kinh tế					555.241	119.161	18.000	101.161	19,3	519.785	437.550	82.235	21.204	2.000	19.204	30.822	27.322	3.500	324.941	324.941	55.000	47.000	8.000
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản					555.241	119.161	18.000	101.161	19,3	519.785	437.550	82.235	21.204	2.000	19.204	30.822	27.322	3.500	324.941	324.941	55.000	47.000	8.000
I.1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					555.241	119.161	18.000	101.161	19,3	519.785	437.550	82.235	21.204	2.000	19.204	30.822	27.322	3.500	324.941	324.941	55.000	47.000	8.000
I.1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông	Ban QLĐA ĐTXD các công trình NNE&PTNT	28/12/2018	2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	428.246	100.775	100.775	100.775	19,3	411.176	328.941	82.235	19.204	2.000	19.204	17.500	14.000	3.500	324.941	324.941	40.000	32.000	8.000
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông			2018-2024	662/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1079/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	215.200	44.601	44.601	44.601		170.599	136.479	34.120	8.440	8.440	27.850	22.280	5.570				20.000	16.000	4.000
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk M'Đi tỉnh Đắk Nông			2018-2024	663/QĐ-UBND, ngày 09/5/2019; 1127/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	213.046	56.174	56.174	56.174		156.872	125.498	31.374	10.764	10.764	50.650	40.520	10.130				20.000	16.000	4.000
I.1.2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp & Phát triển NT	28/5/2021	2021-2026	740/QĐ-TTg, ngày 20/5/2020; 729/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	126.995	18.386	18.000	386		108.609	108.609		2.000	2.000	13.322	13.322					15.000	15.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Lũy kế bố trí từ khởi công đến năm 2022				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2023		Chi chủ								
						TMĐT										Trong đó:				Trong đó:		Trong đó:										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Tỉnh bằng nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Tổng số	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			Tổng số	Vốn nước ngoài (cấp phát)		Tổng số							
							NSTW	NSDP	Các nguồn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn khác		NSTW	NSDP	Các nguồn khác		Cấp phát từ NSTW			Cho vay lại	Viện trợ không hoàn lại	Vốn nước ngoài (cấp phát)	Vốn nước ngoài (cấp phát)			
Tổng số	Đơn vị: VND	Đơn vị: VND	Tổng số	Đơn vị: VND	Đơn vị: VND																			Tổng số						Đơn vị: VND	Đơn vị: VND	
II	Thông báo sau					1.131.826	361.480	261.035	100.445	51	770.346	672.574	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	613.911	613.911	90.230	78.730	11.500							
II.1	Các hoạt động kinh tế					568.858	79.996	63.996	16.000	26	488.862	391.090	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	332.427	332.427	57.500	46.000	11.500							
I	Giao thông					568.858	79.996	63.996	16.000	26	488.862	391.090	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	332.427	332.427	57.500	46.000	11.500							
I.1	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																															
2.1.1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Đắk Nông	Đơn quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	5/4/2017	2017-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017; 419/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	568.858	79.996	63.996	16.000	25,6	488.862	391.090	97.772	477.059	67.749	52.000	15.749	409.310	327.448	81.862	332.427	332.427	57.500	46.000	11.500					Dự kiến bố trí cho dự án sau khi dự án hoàn thành thu tục sử dụng vốn dự		
II.2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					562.968	281.484	197.039	84.445	25,3	281.484	281.484																				
I	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023					562.968	281.484	197.039	84.445	25,3	281.484	281.484																				
1.1	Trường cao đẳng công đồng tỉnh Đắk Nông	Đơn quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh			300/QĐ-TTg ngày 25/2/2020	562.968	281.484	197.039	84.445	25,3	281.484	281.484																				Dự kiến phân bổ cho dự án sau khi dự án được ký kết Hiệp định vay